



“ CHÍNH TRỰC
TÔN TRỌNG
HỢP TÁC ”

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

Địa chỉ: Đường D4, KCN Lộc An - Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

SĐT: 0251. 3682102

Số Fax: 0251. 3682106



2019 | **BÁO CÁO**
THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

CHƯƠNG 01

TỔNG QUAN CÔNG TY

- Thông tin chung
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Quá trình hình thành và phát triển
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro

CHƯƠNG 02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và sự thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội

CHƯƠNG 03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

CHƯƠNG 04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Tổng Giám đốc
- Các Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG 05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban Kiểm soát
- Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích

CHƯƠNG 06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHƯƠNG 07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH





**“ CHÍNH TRỰC
TÔN TRỌNG
HỢP TÁC ”**

TỔNG QUAN CÔNG TY

- Thông tin chung
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Quá trình hình thành và phát triển
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro



THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Tên tiếng anh : NET Detergent Joint Stock Company

Tên viết tắt : NETCO

Giấy chứng nhận ĐKDN : 3600642822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 13 số 4703000053 ngày 26/05/2017

Vốn điều lệ : 223.983.740.000 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 309.289.388.801 VND

Địa chỉ : Đường D4, KCN Lộc An - Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số điện thoại : 0251. 3682102 - 0251. 3682103

Số fax : 0251. 3682106

Website : www.netcovn.com.vn

Mã cổ phiếu : NET

Logo





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1972, Tiền thân là Việt Nam Tân hóa phẩm, chính thức đi vào hoạt động với công suất 5.000 tấn sản phẩm bột giặt/năm.

Năm 1990, Cải cách bộ máy hoạt động của Nhà máy: chuyển từ hình thức hạch toán phụ thuộc sang hình thức hạch toán độc lập và thay đổi toàn bộ nhân sự mới.

Năm 1994, Công ty đầu tư đổi mới công nghệ, kỹ thuật và áp dụng cơ chế quản lý mới, phù hợp tình hình phát triển thực tế. Lần đầu tiên sản phẩm bột giặt White NET được đưa ra thị trường Việt Nam.



Năm 1975, Công ty được Chính phủ Việt Nam quốc hữu hóa và chuyển tên gọi thành Nhà máy quốc doanh Bột giặt Đồng Nai.

Năm 1992, Nhà máy chuyển thành Công ty Bột giặt NET trực thuộc Tổng công ty hóa chất công nghiệp và hóa chất tiêu dùng – Bộ Công nghiệp nặng.

Năm 1998, Khánh thành chi nhánh NET tại Hà Nội với một tháp Bột giặt có công suất 10.000 tấn bột giặt/năm.

Năm 2003, Chuyển đổi hình thức sang công ty cổ phần với vốn điều lệ 22 tỷ đồng, trong đó nhà nước giữ 51% vốn.

Năm 2010, Công ty chính thức thực hiện giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Từ đó khẳng định và cam kết tính minh bạch cũng như nâng cao khả năng huy động vốn.

Năm 2017, Khánh thành nhà máy mới tại Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với quy mô hiện đại, tối đa hóa tự động. Đây là dấu mốc lịch sử quan trọng của NETCO, đánh dấu thời kỳ tự động hóa gắn liền với năng suất – chất lượng.



Năm 2007 - Năm 2009, Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 22 tỷ đồng lên thành 45 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Năm 2011 - Năm 2016, Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên thành 223,98 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu. Quy mô vốn gấp 10 lần so với lúc vừa thành lập CTCP Bột giặt NET.

Năm 2019, Tập đoàn hóa chất Việt Nam đã bán thành công 3.359.000 cổ phần sở hữu tại CTCP bột giặt Net giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 36%/VĐL.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU CỦA CÔNG TY

Giấy chứng nhận **ISO 9001:2015, ISO 22716: 2007**

Giấy chứng nhận đạt danh hiệu **Xanh-Sạch-Đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động**, do Liên đoàn lao động tỉnh Đồng Nai cấp.

Huân chương lao động hạng ba năm 1995, Huân chương lao động hạng nhì năm 2007, do Chủ tịch nước trao tặng.

Top 100 Thương hiệu hàng đầu Việt 2008, 2009 do Tạp chí Thương hiệu Việt bình chọn.

Sản phẩm dịch vụ xuất sắc nhất 2008 do tạp chí Doanh nghiệp và Hội nhập bình chọn.

Cờ: đơn vị xuất sắc phong trào thi đua do Chính Phủ và Bộ Công Thương trao tặng.

Top 100 sản phẩm tốt nhất cho gia đình và trẻ em.

Top 100 thương hiệu - Nhân hiệu Uy tín.

11 năm liên tục đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao 2008-2019.





Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Mua bán các loại vật tư hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh).
- Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng.
- Kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh khách sạn nhà nghỉ (hoạt động ngoài tỉnh).
- Sản xuất nước uống đóng chai (không sản xuất tại trụ sở).
- Vận tải hàng hóa đường bộ.

Sản phẩm

Bột giặt



Nước Giặt



Nước xả vải



Nước lau sàn





Nước rửa chén



Nước vệ sinh đa năng



Nước tẩy



Địa bàn kinh doanh

Thị trường nội địa

Tại thị trường trong nước, sản phẩm của NETCO có mặt tại hầu hết các kênh bán hàng truyền thống (chợ, tạp hóa,...), kênh bán hàng hiện đại (siêu thị, cửa hàng tiện lợi,...) và một số trang thương mại điện tử khác. Trong đó, kênh bán hàng siêu thị (chính là kênh bán lẻ hiện đại) là một kênh bán hàng đóng góp trên 10% trong tổng doanh thu của Công ty và là kênh phân phối đang có tốc độ phát triển nhanh, mạnh về quy mô và tiềm năng trong thời gian qua, cũng như các năm tới tại Việt Nam.

Về sản phẩm, NETCO cung ứng rất đa dạng các sản phẩm cho thị trường trong nước như Bột giặt, nước rửa chén, nước lau sàn, nước tẩy nhà tắm, nước xả vải, nước giặt, nước tẩy đa năng, gel rửa tay,...

Từ năm 1997 đến nay, NETCO là đối tác lớn của Unilever trong việc sản xuất và gia công một số dòng sản phẩm chăm sóc gia đình như bột giặt Omo, Surf, nước rửa chén Sunlight, nước lau sàn Vim... phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu (Ghi chú: Gia công bột giặt: Năm 1997 - đến nay; Gia công Nước rửa chén và Nước lau sàn: 2005 - 7/2013). Việc gia công những sản phẩm nằm trong top dẫn đầu thị trường đã thể hiện năng lực sản xuất và trình độ kỹ thuật của NETCO.

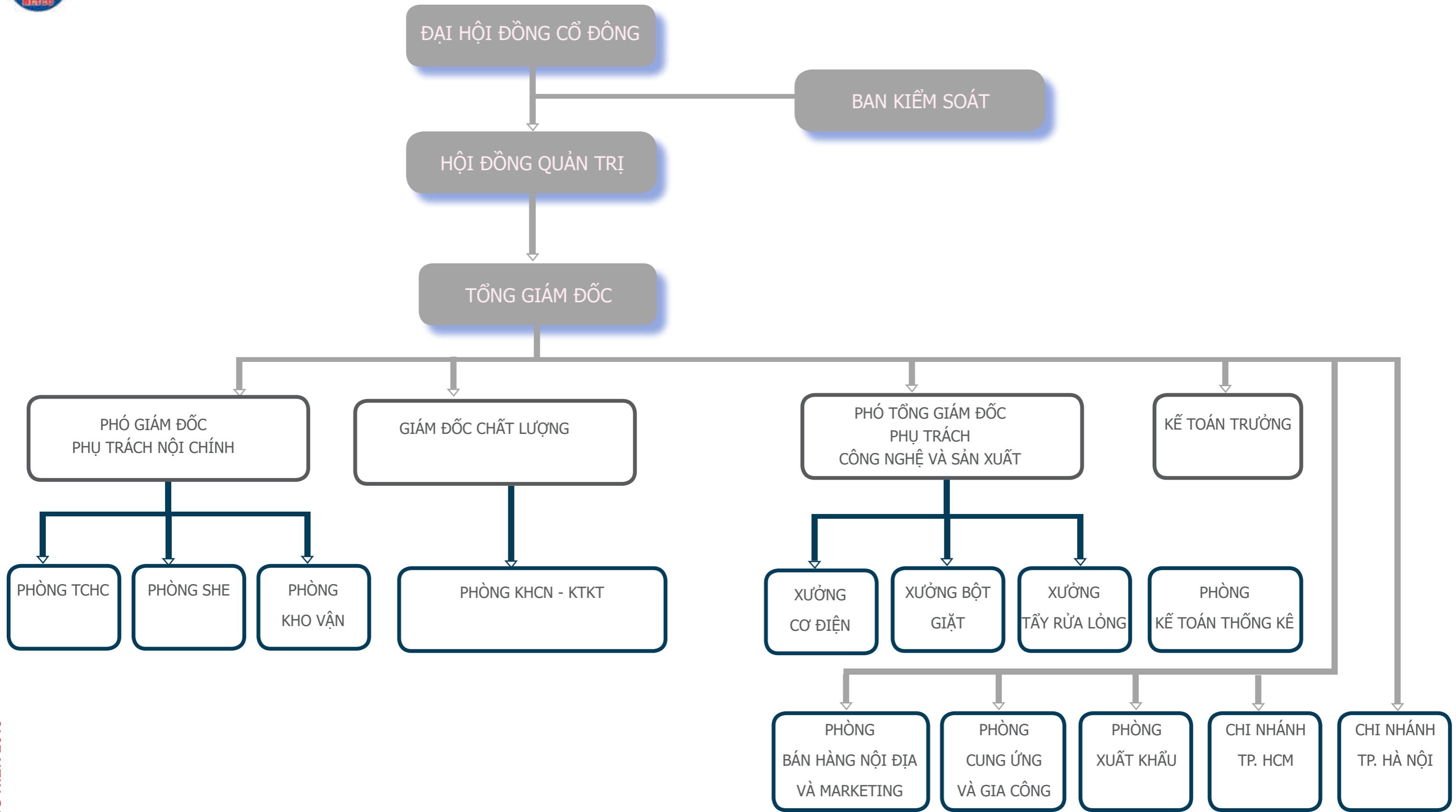
Hiện NETCO có hai nhà máy sản xuất chính là nhà máy tại huyện Long Thành, Đồng Nai và nhà máy tại Hà Nội với công suất thiết kế 180.000 tấn bột giặt/năm và 100.000 tấn chất tẩy rửa lỏng/năm.





Thị trường xuất khẩu

Bên cạnh thị trường trong nước, NETCO còn cung ứng một số sản phẩm cho các thị trường lớn như Nhật Bản, Úc, New Zealand, các nước ASEAN, Châu Mỹ, Châu Phi, Trung Đông, Nga... Trong đó, bột giặt và nước rửa chén là hai mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Công ty. Có thể nói, với việc thâm nhập thành công và cung cấp các dòng sản phẩm bột giặt, nước rửa chén, nước giặt, nước tẩy đa năng,... vào thị trường Nhật Bản - một thị trường được đánh giá là khó tính với yêu cầu về chất lượng cực kỳ nghiêm ngặt từ năm 2007 đến nay, Công ty đã minh chứng trình độ kỹ thuật công nghệ của mình đạt yêu cầu khu vực và thế giới. Trong các năm tới, NETCO định hướng tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu các loại sản phẩm khác của Công ty.





Giá trị cốt lõi

“Chính trực – Tôn trọng - Hợp tác”

Chiến lược trung và dài hạn

NETCO tin rằng, những chiến lược trung và dài hạn sẽ trở thành kim chỉ nam giúp cho các mục tiêu của Công ty trở thành hiện thực một cách vững chắc, mang đến giá trị tăng thêm cho quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các đối tác. Cụ thể, Công ty đã đề ra các chiến lược trung và dài hạn sau:

- Tiếp tục công tác định vị thương hiệu của NET, xây dựng hình ảnh sản phẩm với chất lượng tốt, giá cả hợp lý, mở rộng hệ thống phân phối tại thị trường nội địa và vươn ra hơn nữa thị trường thế giới. Từng bước thay đổi diện mạo, nâng cao giá trị hình ảnh thương hiệu nhằm phục vụ và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng Việt.
- Phân tích tình hình thị trường, đưa ra và thực hiện các kế hoạch, chính sách phù hợp với mô hình hoạt động của NETCO để hạn chế những rủi ro ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty.
- Nghiên cứu nhu cầu, mẫu mã sản phẩm, chất lượng vượt trội, đa dạng các đối tượng khách hàng để phục vụ và nhắm đến mục tiêu không giới hạn trong nội địa và xuất khẩu, khách hàng đang sử dụng sản phẩm mang thương hiệu NET và những khách hàng tiềm năng.

• Chú trọng vào công nghệ sản xuất, cải tiến hệ thống sản xuất theo hướng tự động hóa, giảm sức người, tăng hiệu suất lao động, từng bước đưa NETCO trở thành Công ty nằm trong chuỗi cung ứng chất tẩy rửa không chỉ tại Việt Nam mà còn mang tầm khu vực.

• Phát triển quản trị nguồn nhân lực, trở thành một doanh nghiệp có môi trường làm việc mà tại đó nhân viên có thể phát huy tốt nhất khả năng, đóng góp vào thành tựu chung của Công ty.

• Phát triển Công ty dựa trên nền tảng phát triển bền vững song hành cùng trách nhiệm với xã hội, thông qua việc tạo ra những sản phẩm giá trị cho con người, nâng cao chất lượng đời sống của người lao động, tuân thủ các chuẩn mực bảo vệ môi trường và hành động vì lợi ích cộng đồng.





CÁC RỦI RO



Rủi ro về kinh tế

Mọi ngành nghề, mọi doanh nghiệp của Việt Nam đều chịu ảnh hưởng bởi sự tác động của diễn biến tình hình kinh tế chung thế giới. NETCO là doanh nghiệp có doanh thu xuất khẩu chiếm gần 1/3 tổng doanh thu bán hàng, do đó những biến động về kinh tế, lãi suất, thương mại của thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ của các thị trường nước ngoài và các hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty.

Năm 2019, tốc độ tăng trưởng kinh tế của nhiều quốc gia lớn trên thế giới đều chậm lại do mối lo ngại từ chiến tranh thương mại Mỹ-Trung và hàng loạt các biện pháp phòng vệ thương mại được hình thành. Điều này đã gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty đã được phản ánh qua sự sụt giảm trong doanh thu xuất khẩu của NETCO.



CHÍNH TRỰC - TÔN TRỌNG - HỢP TÁC

Biện pháp hạn chế rủi ro:

Để hạn chế được rủi ro kinh tế, Công ty chủ động tìm hiểu thị trường, nghiên cứu các sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng để đẩy mạnh doanh thu từ thị trường nội địa. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên theo dõi tình hình diễn biến thương mại, các chính sách kinh tế trong và ngoài nước, nhất là tại các nước đối tác của Công ty để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất và kinh doanh của Công ty, đa dạng nguồn nhập khẩu để an toàn hơn trong cung ứng, giảm rủi ro về thiếu hụt nguyên liệu đầu vào.



Rủi ro tỷ giá

Bên cạnh các nguyên vật liệu đầu vào được mua từ các công ty trong nước, NETCO cũng nhập khẩu và thanh toán bằng ngoại tệ từ một số nước khác như Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản, Thái Lan, châu Âu. Ngoài ra, doanh thu từ xuất khẩu cũng đóng góp hơn 27% doanh thu của Công ty, với các quốc gia xuất khẩu như Nhật Bản, Úc, New Zealand, các nước ASEAN, Châu Mỹ, Châu Phi. Vì vậy sự biến động của tỷ giá có ảnh hưởng rất lớn đối với cả đầu vào và đầu ra sản phẩm của Công ty.

Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay khi nền kinh tế chung thế giới đang có xu hướng tăng trưởng chậm lại và tình hình chính trị trở nên bất ổn hơn bao giờ hết. Điều đó khiến tỷ giá càng biến động khó lường và việc dự đoán tỷ giá cũng trở nên khó khăn hơn.

Biện pháp hạn chế rủi ro:

Công ty luôn chủ động theo dõi diễn biến tỷ giá trên thị trường để kịp thời điều chỉnh chính sách và kế hoạch kinh doanh nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra. Đồng thời, Công ty cũng đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu, ký kết các hợp đồng kỳ hạn trong xuất nhập khẩu để hạn chế việc lợi nhuận bị biến động mạnh.



Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nên Công ty chịu sự quản lý từ các quy định pháp lý như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định riêng tại Sở, các quy định có liên quan khác. Bên cạnh đó, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh chất tẩy rửa với một số nguyên liệu đầu vào là hóa chất nên công ty phải tuân thủ Luật liên quan đến bảo vệ môi trường, Luật hóa chất, Luật thương mại. Ngoài ra, Công ty còn xuất khẩu các sản phẩm đến các quốc gia khác điển hình như Nhật Bản, Úc, New Zealand, các nước ASEAN, Châu Mỹ, Châu Phi, Nga,... nên Công ty còn chịu sự ảnh hưởng bởi Luật xuất nhập khẩu và các chính sách, quy định tại nước xuất khẩu.

Biện pháp hạn chế rủi ro:

Để hạn chế vấn đề pháp lý, Công ty liên tục theo dõi và cập nhật, đồng thời điều chỉnh kịp thời những thay đổi cho đồng nhất với quy định, điều lệ trong Công ty mang lại hiệu quả trong vận hành hoạt động tốt nhất. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên cập nhật các quy định, thông lệ thương mại tại các nước xuất nhập khẩu để đảm bảo quá trình mua bán hàng hóa được diễn ra suôn sẻ.



Rủi ro cạnh tranh

Hiện tại, Việt Nam đang trong giai đoạn cơ cấu dân số vàng với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và thu nhập đầu người ngày càng cải thiện. Điều này sẽ thúc đẩy tăng tiêu dùng của người dân, từ đó kéo theo sự tăng trưởng nhanh chóng của ngành hàng tiêu dùng nói chung, ngành hóa mỹ phẩm nói riêng.

Tuy nhiên, những tiềm năng này cũng dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Nếu như các doanh nghiệp nước ngoài đang chiếm lĩnh thị trường với thế mạnh về năng lực sản xuất và quảng bá thương hiệu, thì các doanh nghiệp trong nước cũng không ngừng cho ra các sản phẩm mới phù hợp thị hiếu người tiêu dùng. Điều này đã và đang tạo ra không ít áp lực cho Công ty trong việc giữ vững vị thế của mình.

Biện pháp hạn chế rủi ro:

Để đảm bảo tính cạnh tranh cho các sản phẩm của mình, NETCO kiên quyết đi theo con đường đã chọn là thực hiện đúng chính sách về chất lượng sản phẩm, không thực hiện chọn nguồn nguyên liệu chất lượng thấp giá rẻ, đồng thời tập trung vào công tác nghiên cứu chất lượng để tạo sự khác biệt và nâng cao các hoạt động quản trị doanh nghiệp.



Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Thành phần chính trong nguyên vật liệu sản xuất bột giặt là LASNa, được chiết xuất từ các sản phẩm của dầu mỏ (parafin). Vì vậy, những diễn biến của giá dầu sẽ nhanh chóng tác động đến giá các yếu tố đầu vào ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong khi đó, dầu là mặt hàng rất nhạy cảm với tình hình kinh tế chính trị thế giới nên dẫn đến giá nguyên liệu đầu vào của Công ty cũng biến động thường xuyên và khó lường.



Bên cạnh đó, tình hình dịch bệnh COVID-19 trong thời gian gần đây cũng gây nhiều khó khăn trong hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu với các quốc gia khác, đặc biệt tại điểm đầu nguồn dịch là Trung Quốc. Trong khi đó, nguồn nguyên liệu nhập khẩu của NETCO một phần được nhập khẩu từ Trung Quốc, vì vậy, điều này ít nhiều đã ảnh hưởng tới nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty.



Biện pháp hạn chế rủi ro:

Để hạn chế rủi ro nguyên vật liệu, Công ty luôn lựa chọn nhiều nhà cung cấp có thương hiệu, uy tín trong và ngoài nước để hạn chế rủi ro do phụ thuộc vào một nhà cung cấp. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng và duy trì được mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp có uy tín để hạn chế được rủi ro nguồn hàng và giá khi có biến động lớn xảy ra đối với nguyên vật liệu. Song song đó, Công ty cũng ký các hợp đồng kỳ hạn có thời gian nhất định và tìm kiếm nguồn nguyên liệu có giá cả thấp nhưng chất lượng được đảm bảo.



Rủi ro môi trường

Ngành hàng tiêu dùng phụ thuộc rất lớn vào uy tín thương hiệu và hình ảnh công ty, nên các vấn đề môi trường này còn ảnh hưởng đến lòng tin của khách hàng đối với doanh nghiệp. Đặc biệt, đối với ngành sản xuất chất tẩy rửa, nếu hạ tầng cơ sở không đầu tư để đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn về môi trường thì sẽ có rủi ro về môi trường.

Biện pháp hạn chế rủi ro:

Công ty luôn đề cao vấn đề môi trường trong quá trình sản xuất bởi bảo vệ môi trường chính là nền tảng cho sự phát triển bền vững và lâu dài. Cụ thể, NETCO đã đầu tư, hệ thống Nucon thu hồi bột bụi được đầu tư với giá trị gần mười lăm tỷ tại xưởng sản xuất bột giặt, đối với các sản phẩm tẩy rửa lỏng thì áp dụng phương pháp sản xuất tiên tiến nhất, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình chống vi sinh, sử dụng tia cực tím xử lý nước đưa vào sản xuất, từ đó giúp hạn chế được tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày ở trên, Công ty cũng có thể bị ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, động đất, dịch bệnh...gây thiệt hại tài sản của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại lớn về vật chất mà không thể ngăn chặn được, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- Tình hình tài chính

- Cơ cấu cổ đông và sự thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

Với phương châm NET mang sản phẩm đến với người tiêu dùng bằng tấm lòng của một nhà sản xuất chân chính, NETCO đã và đang có những bước đi vững chắc trên thị trường hàng tiêu dùng gia đình tại Việt Nam.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% Tăng/giảm
Doanh thu thuần	1.157.311	1.117.335	3,58%
Lợi nhuận từ HĐKD	85.577	55.841	53,25%
Lợi nhuận khác	702	3.091	-77,27%
Lợi nhuận trước thuế	86.279	58.931	46,41%
Lợi nhuận sau thuế	81.123	54.697	48,32%
Cổ tức (%)	(*)	20%	115%
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	3.332	2.232	49,28%

(*) Do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 quyết định

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

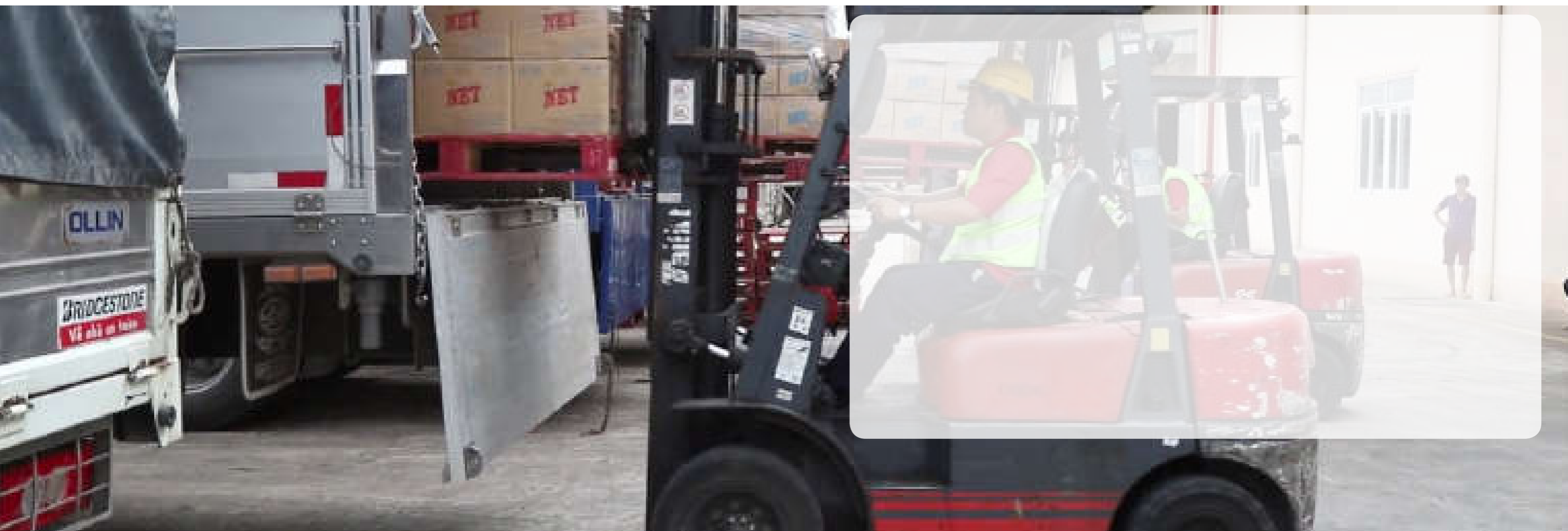
Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ thực hiện (%)
Tổng doanh thu	1.103.000	1.157.311	104,92%
Lợi nhuận trước thuế	50.500	86.279	170,85%

Về doanh thu

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 đã có những bước tăng trưởng tích cực cả doanh thu và lợi nhuận sau giai đoạn 2017-2018 của những khó khăn trong năm đầu mở rộng nhà máy.

Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh đều tăng trưởng tốt so với năm 2018. Tổng doanh thu năm 2019 đạt 1.157 tỷ đồng, tăng 3,58% so với năm 2018 và vượt 4,92% kế hoạch đề ra.



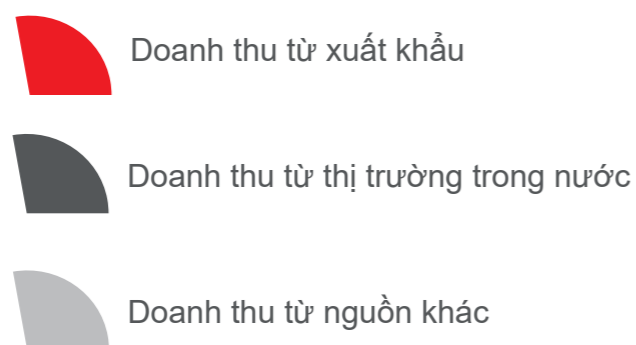
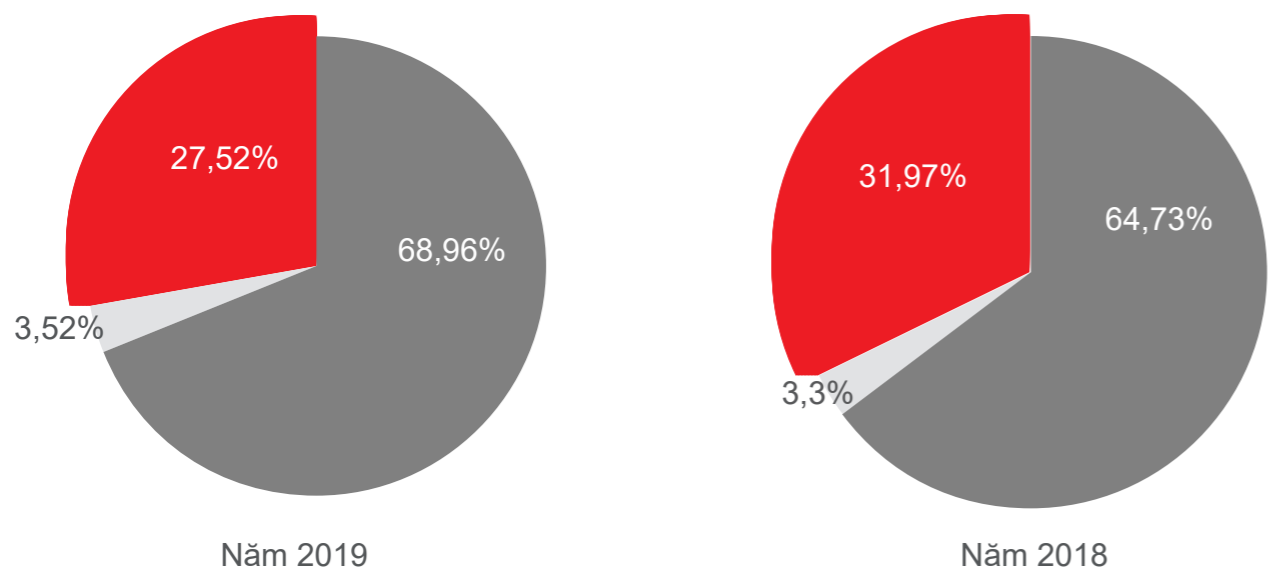


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Bảng cơ cấu doanh thu theo thị trường

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu từ bán hàng nội địa				
• Doanh thu sản xuất tiêu thụ trong nước	798.089	68,96%	723.277	64,73%
• Doanh thu từ nguồn khác	40.691	3,52%	36.823	3,30%
Doanh thu từ xuất khẩu				
• Doanh thu từ xuất khẩu	318.531	27,52%	357.235	31,97%
Tổng cộng	1.157.311	100,00%	1.117.335	100,00%

Biểu đồ cơ cấu doanh thu theo thị trường



Thị trường trong nước vẫn tiếp tục là thị trường trọng yếu của Công ty, với tỷ trọng chiếm 68,96% tổng doanh thu. Nhận thấy những tiềm năng lớn chưa khai thác triệt để của ngành sản xuất chất tẩy rửa tại Việt Nam, Công ty trong năm qua đã tập trung đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, bán hàng nhằm đưa ra thị trường những sản phẩm đa dạng về mẫu mã, mùi hương, công dụng, đồng thời phát triển thêm danh mục sản phẩm của mình, điển hình là hai mã hàng nước giặt **NET MATIC đậm đặc** và **NET MATIC Hương Nước Hoa** vừa được tung ra thị trường trong năm 2019, đã tạo được hiệu ứng tốt và sự tin dùng của khách hàng. Các sản phẩm nổi bật tiêu thụ trong nước có thể kể đến như bột giặt, nước rửa chén, nước giặt, nước lau sàn, tẩy nhà tắm, nước xả vải.



NET MATIC đậm đặc



NET MATIC Hương nước hoa

Doanh thu từ xuất khẩu của Công ty năm 2019 giảm 39 tỷ, chiếm 27,52% trong cơ cấu doanh thu, thấp hơn mức 31,97% của năm 2018. Sự sụt giảm trong doanh thu xuất khẩu đến từ hai nguyên nhân:

Nguyên nhân thứ nhất: Do Công ty đã gặp phải sự cạnh tranh gay gắt tại một số thị trường Đông Nam Á. Đây là một khó khăn đối với NET nói riêng cũng như ngành sản xuất chất tẩy rửa tại Việt Nam nói chung trong việc giữ và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Nguyên nhân thứ hai đến từ việc điều chỉnh kết cấu giá thành sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng xuất khẩu ảnh hưởng khá lớn đến giá vốn và giá bán, ảnh hưởng đến doanh thu.

Ngoài ra, theo thông tư số 54 của Bộ Giao thông vận tải có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, giá dịch vụ bốc dỡ container nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất tại các cảng biển của Việt Nam được điều chỉnh tăng thêm 10%. Việc này đã đẩy giá thành của các công ty có hoạt động xuất nhập khẩu tại Việt Nam lên cao, ảnh hưởng đến lợi thế cạnh tranh về giá so với các quốc gia khác.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Về chi phí

Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính đều lần lượt giảm 9,2% và 56,7% so với năm 2018 do nhà máy sản xuất tại huyện Long Thành sau 2 năm hoạt động đã dần đi vào ổn định, giúp giảm các chi phí xây dựng và đầu tư ban đầu. Cùng với đó, Công ty cũng được hưởng ưu đãi thuế cho các khoản thu nhập phát sinh từ nhà máy mới này giúp giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, NETCO sẽ được miễn thuế trong 2 năm và giảm 50% thuế trong vòng 4 năm, tính từ năm 2018.

Riêng chi phí bán hàng của Công ty năm 2019 tăng 9,6% so với năm trước, ở mức 124,6 tỷ đồng do chi phí vận chuyển/ Logistic và cước tàu biển một số tuyến hàng xuất khẩu tăng hơn 2018. Ngoài ra, các chi phí cho hoạt động bán hàng tại thị trường nội địa như khuyến mãi, hỗ trợ các nhà phân phối, siêu thị, đại lý... tăng tỷ lệ thuận với mức tăng trưởng của doanh số bán.



100.000 tấn chất tẩy rửa lỏng/năm

Về lợi nhuận

Lợi nhuận gộp tăng mạnh 17,8% so với cùng kỳ, đạt 234 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 86 tỷ đồng, vượt 70,85% kế hoạch năm. Những yếu tố giúp thúc đẩy lợi nhuận tăng trưởng mạnh mẽ chủ yếu bao gồm:



Riêng đối với lợi nhuận khác, khoản mục này giảm mạnh 77,27% so với năm 2018, chỉ còn 702 triệu đồng do không còn phần lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tại nhà máy cũ. Kết quả, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 81 tỷ đồng, tăng đến 48,32% so với cùng kỳ năm trước.



STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Trần Quốc Cường	Chủ tịch HĐQT	0
2	Thái Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,505%
3	Phạm Quang Hòa	Thành viên HĐQT	0
4	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	0
5	Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên HĐQT	0
II BAN ĐIỀU HÀNH			
1	Thái Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,505%
2	Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất	0
3	Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc chất lượng	0,008%
4	Trần Thị Ái Liên	Kế toán trưởng	0,0578%
III BAN KIỂM SOÁT			
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Ban kiểm soát	0,008%
2	Dương Huy Mạnh	Ủy viên BKS	0
3	Nguyễn Thị Mai Phương	Ủy viên BKS	0

Tình hình thay đổi nhân sự

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01 tháng 02 năm 2020





Giới thiệu ban điều hành

Thái Thị Hồng Yến

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ quản trị kinh doanh;
- Cử nhân khoa học;
- Cử nhân Anh văn;
- Cử nhân Nga Văn.

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
1990-1993	Cán bộ lâm trường Tân phú
1993-1995	Công tác tại Xí nghiệp kinh doanh lâm sản;
1995-2000	Công tác tại phòng Tổ chức, Công ty cổ phần bột giặt NET;
2000-2002	Chuyên viên thị trường Công ty cổ phần bột giặt NET tại CN Hà Nội;
2002-06/2003	Công tác tại phòng Tổ chức, Công ty cổ phần bột giặt NET;
07/2003-04/2004	Phó phòng bán hàng, Công ty cổ phần bột giặt NET;
05/2004-11/2004	Trưởng phòng bán hàng, Công ty cổ phần bột giặt NET
12/2004-12/2006	Giám đốc thương mại, Công ty cổ phần bột giặt NET;
12/2006-04/2016	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc thương mại, Công ty cổ phần bột giặt NET
05/2016-01/2017	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành và Giám đốc thương mại, Công ty cổ phần bột giặt NET;
05/2016 đến nay	Bí thư Đảng ủy công ty;
02/2017 đến nay	Tổng Giám Đốc - Công ty cổ phần bột giặt NET.

Phạm Quốc Cường

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân hóa học;
- Giấy chứng nhận Quản lý đào tạo cấp trung do trường PACE cấp.

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
1998 – 2011	Công ty TNHH Quốc tế Unilever
03/2012 – 07/2012	Giám đốc Sản xuất, Công ty cổ phần bột giặt NET
07/2012 – 10/2015	Giám đốc Sản xuất kiêm Ủy viên BCH Công đoàn công ty, Công ty cổ phần bột giặt NET
10/2015 – 07/2017	Giám đốc Sản xuất kiêm Trợ lý GĐĐH về nghiên cứu & phát triển sản phẩm mới và Ủy viên BCH Công đoàn công ty Công ty cổ phần bột giặt NET
08/2017 - nay	Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất, Công ty cổ phần bột giặt NET





Giới thiệu ban điều hành

Cao Trần Đăng Khoa

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân hóa học;
- Chứng nhận Kế toán Doanh nghiệp.

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
1997 – 1999	Nhân viên kỹ thuật, Công ty bột Giặt Lix
1999 – 2001	Nhân viên kỹ thuật, Công ty Vật tư Nông nghiệp Tiền Giang
2001 – 2003	Nhân viên kỹ thuật/ Marketing, Công ty TNHH Nam Trinh
2003 – 2005	Giám sát sản xuất, Công ty TNHH A.V.A.L
2005 – 2009	Giám sát chất lượng, Công ty TNHH KAO Việt Nam
2009 – 03/2011	Phó Giám Đốc Kỹ thuật, Công ty cổ phần bột Giặt NET
03/2011 – 03/2017	Giám Đốc Kỹ thuật, Công ty cổ phần bột Giặt NET
04/2017 - 07/2017	Giám Đốc Kỹ thuật kiêm Chủ tịch Công Đoàn Công ty, Công ty cổ phần bột Giặt NET
08/2017 đến nay	Giám Đốc Chất lượng kiêm Chủ tịch Công Đoàn Công ty, Công ty cổ phần bột Giặt NET

Trần Thị Ái Liên

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán các ngành Sản xuất (ĐH Tài chính kế toán);
- Chứng chỉ Kế toán trưởng.

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
1992 – 2000	Nhân viên kế toán, Công ty cổ phần bột giặt Net;
2000- 06/2003	Phó phòng kế toán, Công ty cổ phần bột giặt Net;
07/2003 - nay	Kế toán trưởng, Công ty cổ phần bột giặt Net.

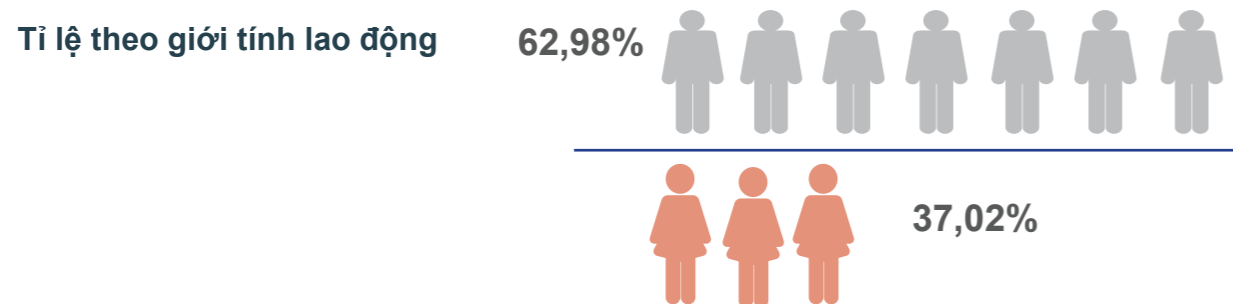




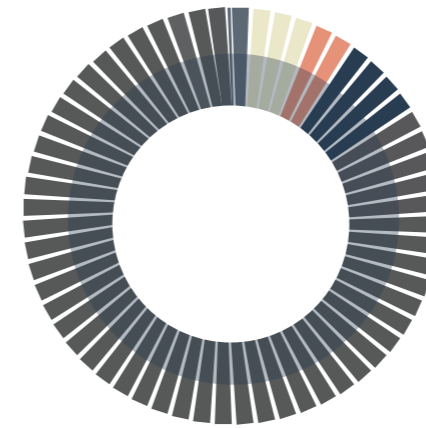
Số lượng cán bộ và công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
I	Theo trình độ lao động	524	
1	Trình độ đại học, trên đại học	39	7,44%
2	Trình độ cao đẳng	12	2,29%
3	Trình độ trung cấp	23	4,39%
4	Công nhân kỹ thuật	30	5,73%
5	Lao động phổ thông	420	80,15%
II	Theo loại hợp đồng lao động	524	
1	Hợp đồng không thời hạn	421	80,34%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	0,00%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	103	19,66%
III	Theo giới tính	524	
1	Nam	330	62,98%
2	Nữ	194	37,02%

Tổng số lượng lao động tại hai nhà máy là 524 lao động, trong đó nhà máy phía Nam là 402.



Cơ cấu doanh thu theo trình độ lao động



- Đại học, trên đại học
- Cao đẳng
- Trung cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Trong cơ cấu người lao động, số lượng đội ngũ lao động phổ thông, công nhân chiếm tương đối lớn với hơn 80% do đặc thù NETCO là công ty sản xuất chất tẩy rửa, nên tỷ lệ CBNV có trình độ cao chủ yếu thuộc về đội ngũ cán bộ quản lý và khối văn phòng của các đơn vị. Việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý luôn là nhiệm vụ ưu tiên của Công ty để đáp ứng nhu cầu phát triển và mô hình mục tiêu chung của NETCO.





Chính sách người lao động

Yếu tố con người luôn được chú trọng phát triển và được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự thành công của NETCO. Công ty luôn trân trọng sự đóng góp của tất cả mọi người vào thành công chung, bất kể người đó là ai, ở vị trí nào. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn cố gắng tạo ra một môi trường làm việc năng động và công bằng, chuyên nghiệp và thân thiện, là nơi mà mỗi một nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp.



Đối với chế độ về thời gian làm việc dành cho người lao động, Công ty thực hiện đúng theo Luật lao động là 8 giờ mỗi ngày. Căn cứ vào từng giai đoạn sản xuất, mùa cao điểm hay bình thường Ban lãnh đạo Công ty sẽ chủ động linh hoạt sắp xếp nhân viên làm tăng ca trên tinh thần tự nguyện để vừa đáp ứng kế hoạch vừa đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Với Công ty, tối đa hóa lợi nhuận là định hướng của mọi doanh nghiệp nói chung không riêng NETCO, nhưng không vì vậy mà bỏ qua người lao động. Vì vậy, các chính sách và quy định về thời gian làm việc và đãi ngộ của Công ty được xây dựng dựa trên tiêu chí đảm bảo quyền lợi và sức khỏe cao nhất cho người lao động.

Về điều kiện và môi trường làm việc, Công ty luôn khao khát xây dựng một Gia đình NETCO - nơi mà ngoài công việc chuyên môn, toàn thể nhân viên đều phải có tinh thần đoàn kết, chia sẻ với nhau và cùng nhau phát triển. Công ty luôn kiên định trong mục tiêu xây dựng và gìn giữ một môi trường làm việc an toàn, thân thiện và chuyên nghiệp tạo điều kiện cho các CB-CNV thỏa sức sáng tạo, phát huy năng lực, trình độ của mình và hợp tác với nhau hướng tới sự phát triển chung của Công ty cũng như sự phát triển của từng cá nhân. Do đặc thù ngành nghề kinh doanh tác động lớn đến sức khỏe con người nên công tác chăm sóc sức khỏe người lao động rất được quan tâm. Một môi trường làm việc an toàn, thân thiện và chuyên nghiệp là điều kiện, là cơ sở để NETCO phát triển bền vững, hướng đến vì con người và cộng đồng. Cụ thể các hoạt động Công ty đã thực hiện trong năm:

- Trang bị bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động ở từng bộ phận, từng công đoạn nhỏ nhất, nhằm hạn chế thấp nhất mức tác động của hóa chất đến sức khỏe công nhân.
- Môi trường làm việc được dọn vệ sinh sạch sẽ hằng ngày bởi đội ngũ riêng, khuyến khích công nhân tự bảo vệ sức khỏe và giữ gìn vệ sinh trong và ngoài khuôn viên làm việc.
- Triển khai chính sách khám tổng quát định kỳ và tích cực đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chế độ dinh dưỡng.

Về các chính sách nghỉ lễ, tết, phép, NETCO luôn đảm bảo được quan tâm, chăm sóc toàn diện đến người lao động từ vật chất đến tinh thần. Vào các dịp lễ tết, ngoài đảm bảo cho CB-CNV và người lao động được nghỉ đúng quy định, Công ty còn xây dựng và tổ chức các hoạt động du lịch, nghỉ mát nhằm tạo tinh thần đoàn kết và mối quan hệ, tạo điều kiện giao lưu giữa các phòng ban với cấp trên. Đối với nghỉ phép, nhân viên làm việc trong một khoảng thời gian nhất định sẽ được hưởng chế độ nghỉ phép 14 ngày mỗi năm, phụ nữ thai sản sẽ được nghỉ theo quy định Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, nhân viên bị ốm thì cũng được hưởng lương nghỉ sản, nghỉ ốm.

Chính sách lương, thưởng



Công tác tiền lương được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của Pháp luật lao động, tuyệt đối tuân thủ quy chế tiền lương và các cam kết với người lao động. Người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế và kết quả công việc của cá nhân. Chính sách thưởng được thực hành trên cơ sở bộ công cụ đánh giá thực hiện công việc. Một số nội dung của bộ công cụ đánh giá thực hiện công việc như sau:

- Tiền lương dựa trên năng lực, kết quả hoàn thành công việc trong một thời gian nhất định cũng như mức độ đóng góp ý tưởng mới, sáng tạo cho sự phát triển của Công ty;
- Thực hiện thiết lập mục tiêu công việc định kỳ để nhân viên nắm rõ được mục tiêu nhiệm vụ; chủ động trong đăng ký mục tiêu, đồng thời phát triển kỹ năng lập kế hoạch để hoàn thành mục tiêu cá nhân góp phần vào mục tiêu chung của Công ty;
- Vào dịp kết thúc năm, công ty tiến hành họp tổng kết tại các phòng ban, đơn vị để đánh giá, tuyên dương và khen thưởng những đơn vị và cá nhân điển hình trong phòng trào thi đua sản xuất kinh doanh.
- Tất cả cán bộ công nhân viên Công ty được hưởng tối thiểu tháng lương thứ 13 trên cơ sở phân phối theo số tháng làm việc và tiền thưởng theo kết quả làm việc cũng như mức đóng góp trong năm.



Thu nhập bình quân người lao động

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng số lượng người lao động (người)	581	518	496	470	524
Tiền lương bình quân người lao động/tháng (đồng)	6.655.000	7.535.000	8.314.000	8.579.000	9.259.000



Chính sách người lao động

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ LÀ MỘT YẾU TỐ THEN CHỐT TRONG CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC CỦA NETCO, LÀ MỘT MẮT XÍCH TRONG CHIẾN LƯỢC LƯỢNG HÓA GIÁ TRỊ TOÀN DIỆN MÀ CÔNG TY MANG LẠI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, BÊN CẠNH CÁC GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU, CƠ HỘI PHÁT TRIỂN BẢN THÂN, CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP, GIÁ TRỊ KIẾN THỨC TÍCH LŨY VÀ HỆ THỐNG LƯƠNG THƯỜNG CẠNH TRANH.

Các chính sách phúc lợi của Công ty được người lao động đánh giá cao, thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên, củng cố lòng trung thành, gắn kết và gia tăng mức độ hài lòng của người lao động. Chính sách đãi ngộ lao động luôn được liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu, duy trì văn hóa doanh nghiệp của Công ty. Cụ thể, các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, bảo hiểm tai nạn cho người lao động đều được thực hiện một cách đầy đủ, tạo điều kiện cho người lao động được khám sức khỏe định kỳ 02 lần nhằm tạo môi trường làm việc năng động và đảm bảo an toàn cho nhân viên của mình.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thường xuyên được tổ chức không chỉ nâng cao kiến thức về văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội mà còn hướng đến xây dựng một tập thể lao động đoàn kết, gắn bó với nhau, góp phần tạo nên bản sắc của NETCO.



Chính sách tuyển dụng

Công ty luôn chiêu mộ, thu hút những cá nhân có năng lực, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, nhiệt tình, siêng năng, sẵn sàng lắng nghe và sẵn sàng hợp tác. Nhân sự được tuyển dụng dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí. Mỗi vị trí, chức danh công việc đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng riêng, có mô tả công việc cụ thể và được thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng của công ty. Bên cạnh đó, NETCO cũng đề cao và trân trọng sự đa dạng, luôn tạo môi trường công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch,... Các cơ hội thăng tiến nghề nghiệp luôn công bằng cho mọi đối tượng dựa trên lộ trình nghề nghiệp cụ thể với các tiêu chuẩn rõ ràng.

Chính sách đào tạo

Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo để phát triển và khai thác những tiềm năng của nhân sự. Mục tiêu đào tạo về nhân sự của Công ty là giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc. Tìm hiểu nhu cầu đào tạo, lựa chọn phương pháp và mô hình đào tạo phù hợp cũng như đánh giá hiệu quả đào tạo được thực hiện bài bản nhằm đảm bảo chất lượng của các chương trình đào tạo. Theo đó, hàng năm Công ty tạo điều kiện cho CB-CNV có cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm và hiệu quả thực hiện công việc, góp phần tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của công ty. Các buổi đào tạo này ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng còn giúp tạo sự gắn kết và chia sẻ giữa các CB-CNV Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2019, công ty tiếp tục thực hiện các khoản mục đầu tư phục vụ cho công tác quản trị nội bộ (Phần mềm quản trị nội bộ), chăm lo hơn đến đời sống cho người lao động (Xây nhà nghỉ giữa ca) và nâng cao công suất sản xuất (thiết bị rút ngắn thời gian sản xuất nước giặt) với tổng trị giá là 775 triệu đồng.



Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,95	0,82
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,56	0,42
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46,35	52,79
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	86,39	111,82
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,91	7,74
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	27,38	29,36
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,95	1,84
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7,01%	4,90%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	27,19%	19,23%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	13,69%	9,01%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7,39%	5,00%

01 Khả năng thanh toán

Trong năm, các chỉ số thanh toán của Công ty đều cải thiện đáng kể so với năm 2018. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2019 tăng lên 0,95 so với mức 0,82 cùng kỳ. Hệ số thanh toán nhanh cũng cải thiện từ mức 0,42 năm trước lên mức 0,56, chứng tỏ Công ty ngày càng có khả năng đáp ứng tốt hơn các khoản chi trả nợ đến hạn thanh toán.

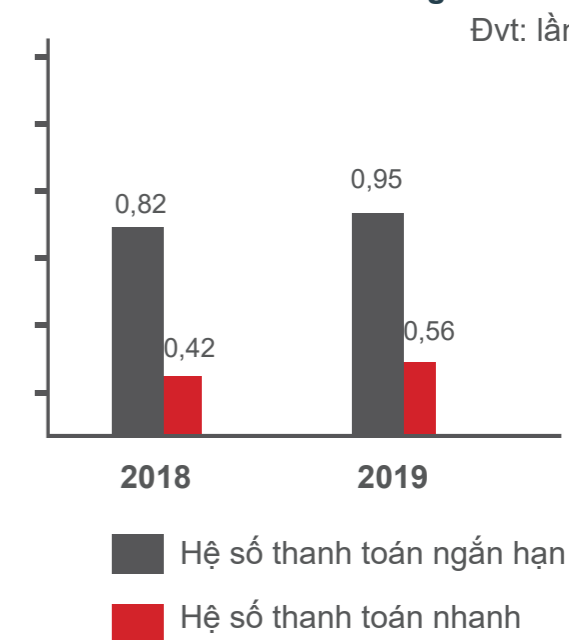
Nguyên nhân của sự tăng trưởng này là do tốc độ giảm của nợ ngắn hạn mạnh hơn so với tài sản ngắn hạn. Theo đó, nợ ngắn hạn giảm chủ yếu do Công ty chủ động trả các khoản vay gốc tại ngân hàng. Tại thời điểm cuối năm, giá trị khoản nợ ngân hàng của Công ty giảm 74 tỷ đồng so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn giảm nhẹ chủ yếu do tối ưu hóa được hàng tồn kho giúp khoản mục này giảm so với cùng kỳ.

02 Cơ cấu vốn

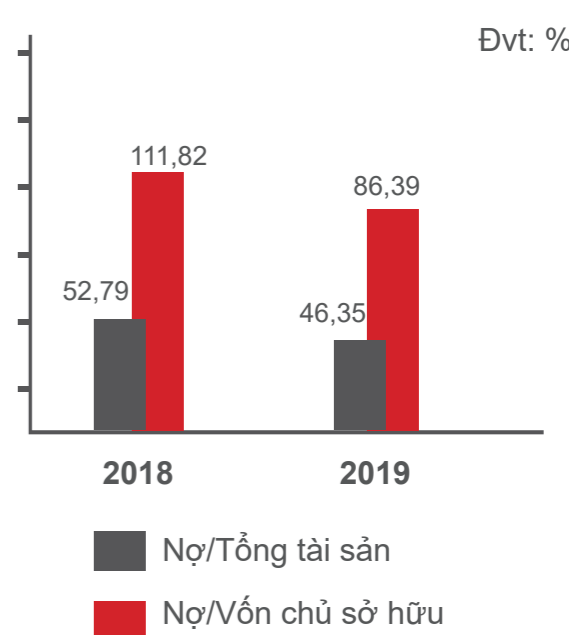
Các hệ số đòn bẩy của Công ty cũng thay đổi theo chiều hướng tốt. Hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2018, lần lượt ở mức 0,46 và 0,86. Các hệ số này đều nằm ở dưới mức 1 cho thấy đòn bẩy tài chính của Công ty đang ở mức an toàn.

Nguồn vốn có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng dần tỉ lệ vốn chủ sở hữu qua từng năm nhờ tăng lợi nhuận giữ lại. Bên cạnh đó, Công ty chủ yếu dùng vốn vay ngắn hạn, ưu tiên sử dụng nguồn vốn tự có, đồng thời tận dụng uy tín của mình để tranh thủ nguồn vốn từ các nguồn phải trả nhà cung cấp để luân chuyển vốn kinh doanh.

Biểu đồ chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Biểu đồ chỉ tiêu về Cơ cấu vốn





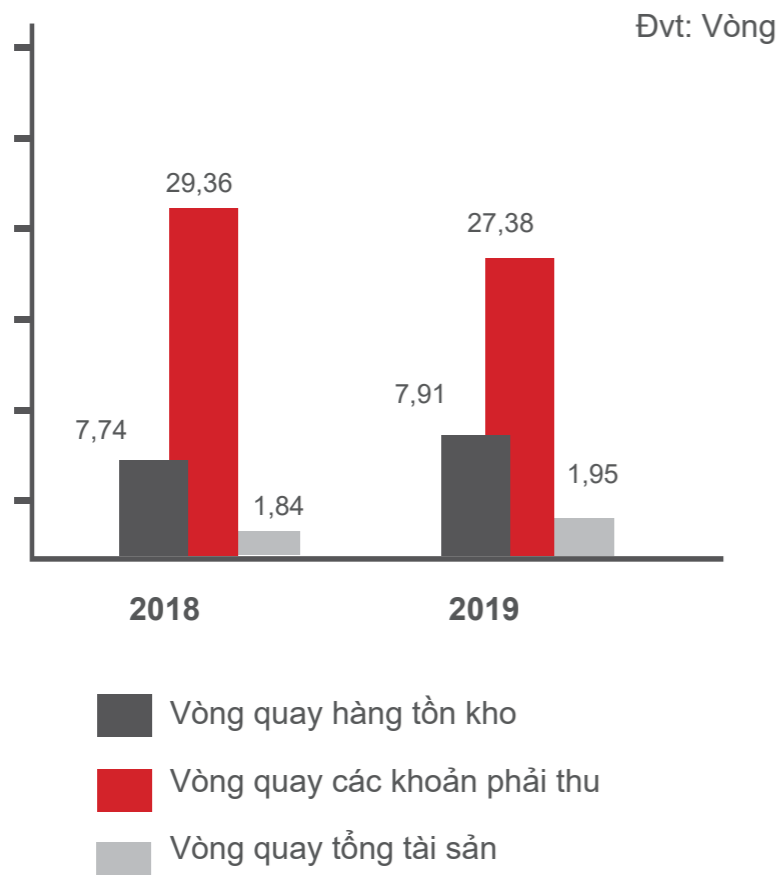
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

03

Năng lực hoạt động

Hệ số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty đều tăng nhẹ so với năm trước lần lượt ở mức 7,91 và 1,95. Điều này cho thấy Công ty đang ngày càng sử dụng hiệu quả tài sản và quản trị được tốc độ luân chuyển hàng tồn kho tốt hơn. Ở chiều ngược lại, vòng quay khoản phải thu năm 2019 có xu hướng giảm so với năm trước, đạt mức 27,38 (vòng) so với 29,36 (vòng) của kỳ trước. Nguyên nhân là do trong năm Công ty đẩy mạnh việc bổ sung hàng hóa tại các điểm bán hàng mới, điển hình như Bách Hóa Xanh, nên Công ty đã áp dụng các chính sách tín dụng nới lỏng hơn để gia tăng được sức cạnh tranh.

Biểu đồ chỉ tiêu về Cơ cấu vốn

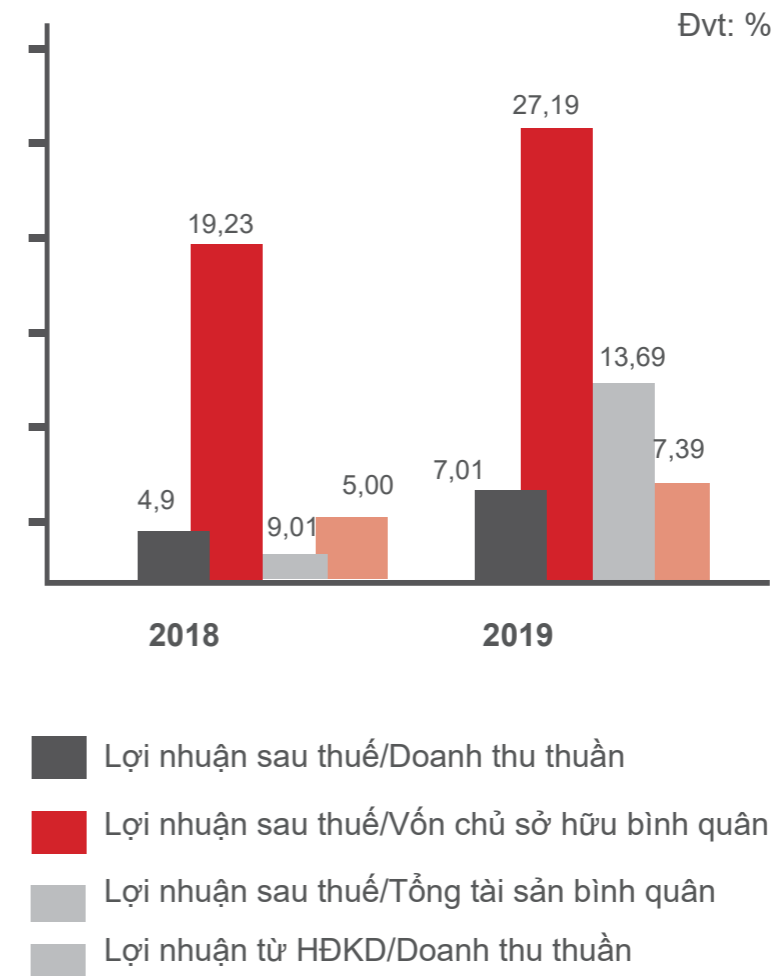


04

Khả năng sinh lời

Khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2019 đã tăng trưởng một cách rõ rệt so với năm trước. Cụ thể, biên lợi nhuận ròng tăng từ 4,9% lên 7,0% trong năm 2019. Các chỉ số lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA), lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) cũng giữ được tăng trưởng ở mức hai chữ số, lần lượt đạt mức 13,7% và 27,19%. Sự tăng trưởng này nhờ vào lợi nhuận được cải thiện mạnh mẽ trong năm 2019. Việc giá nguyên vật liệu có xu hướng giảm cùng với các chi phí hoạt động được tiết giảm một cách hiệu quả chính là nguyên nhân chính giúp cho lợi nhuận sau thuế tăng đến 48,3%.

Biểu đồ chỉ tiêu về khả năng sinh lời





TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ phần

Tổng số cổ phần phát hành: 22.398.374 cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 22.398.374 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần thường.
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 27/12/2019

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	393	22.219.613	222.196.130.000	99,202%
1	Cổ đông nhà nước	1	8.064.498	80.644.980.000	36,005%
2	Cổ đông tổ chức	10	1.279	12.790.000	0,006%
3	Cổ đông cá nhân	382	14.153.836	141.538.360.000	63,191%
II	Cổ đông nước ngoài	20	178.761	1.787.610.000	0,798%
1	Cá nhân	11	10.241	102.410.000	0,046%
2	Tổ chức	9	168.520	1.685.220.000	0,752%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	0,000%
	Tổng cộng	-	22.398.374	223.983.740.000	100,000%

Danh sách cổ đông lớn

Tên cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Masan HPC	11.703.630	52,25%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	8.064.498	36,005%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Về các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải, v.v...):

- Luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về môi trường, đã áp dụng việc sử dụng khí CNG (khí thiên nhiên nén, thành phần chủ yếu là khí CH₄) để làm nhiên liệu đốt lò nên hạn chế rất nhiều việc phát thải các khí độc hại ra môi trường như SO₂, NO_x ...
- Thu gom và xử lý rác thải, nước thải, khí thải theo đúng quy định của pháp luật.

Về vấn đề người lao động:

- Công ty đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo về phương tiện, công cụ lao động cho người lao động. Thường xuyên kiểm tra nhắc nhở công tác an toàn vệ sinh lao động. Tham gia đầy đủ các chương trình do Nhà nước phát động như “Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn”, “Hội thao Phòng cháy chữa cháy”,...
- Đảm bảo chăm lo cuộc sống vật chất, tinh thần cho người lao động: Hàng năm bố trí cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát, tặng quà Sinh nhật cho 100% CBCNV người lao động, quà tết Thiếu nhi 1/6, ngày Phụ nữ 8/3; Ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7; Ngày thành lập QĐND VN 22/12; tặng quà cho người có chế độ, chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn.



Về trách nhiệm với cộng đồng địa phương:

- Tham gia cùng chính quyền địa phương chăm lo đời sống và tặng quà cho các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương.
- Nhằm thể hiện tin thần uống nước nhớ nguồn, Công ty đã cùng chính quyền địa phương thăm và tặng quà cho các cựu chiến binh tại địa phương nhân ngày thương binh liệt sỹ 27/7.
- Ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung, vì Trường sa, quà cho trẻ em nghèo hiếu học.



**“ CHÍNH TRỰC
TÔN TRỌNG
HỢP TÁC ”**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thành quả trong tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận



Năm 2019 là năm đánh dấu sự tiếp tục tăng trưởng trong doanh thu và sự cải thiện mạnh mẽ trong lợi nhuận của NETCO nhờ tiết giảm hiệu quả hầu hết các chi phí. Với chiến lược rõ ràng và chính sách quản trị hiệu quả, NETCO đã vượt qua nhiều thách thức từ môi trường kinh doanh, đạt được những thành quả lớn như: doanh thu đạt 1.157 tỷ đồng, tăng 3,58% cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 86 tỷ đồng, tăng 46,41% so với năm 2018; xuất sắc vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Về chiến lược kinh doanh

Thị trường chất tẩy rửa trong những năm gần đây đã chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt giữa các thương hiệu trong và ngoài nước. Trong quá trình triển khai phát triển kênh bán hàng, NETCO gặp khá nhiều khó khăn khi tham gia các hệ thống bán lẻ do Việt Nam đã mở cửa hoàn toàn thị trường bán lẻ.

Cụ thể, các doanh nghiệp nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp bán lẻ với 100% vốn nước ngoài. Vì vậy, thời gian qua đã có nhiều tập đoàn nước ngoài mở rộng đầu tư sang Việt Nam hoặc mua lại các doanh nghiệp trong nước. Đặc biệt, các tập đoàn của Thái Lan đã thu tóm hoàn toàn các hệ thống bán lẻ lớn hiện nay như Metro và Big C.

Song, với quyết tâm không để sản phẩm NET đứng bên ngoài và chậm lại với xu thế phát triển mạnh mẽ của kênh bán lẻ hiện đại (đại siêu thị, siêu thị, siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi), Ban lãnh đạo Công ty đã quyết tâm thay đổi chiến lược hoạt động để tìm hướng đi cho sản phẩm, thông qua các chiến lược cụ thể như:

- Đối với các hệ thống siêu thị, Công ty linh hoạt trong thương lượng hợp đồng hợp tác để tiết kiệm chi phí tối đa. Công ty phân tích kỹ hệ thống nào có tiềm năng phát triển thì có thể chấp nhận tăng chi phí hợp đồng, hệ thống nào chi phí đã quá cao và khả năng lợi nhuận không có thì thương lượng để không tăng % hợp đồng.
- Đối với các đối thủ cạnh tranh cùng ngành, Công ty thực hiện linh hoạt các chương trình khuyến mãi để cạnh tranh và tăng sức bán hàng như tặng kèm hoặc giảm giá, nhắm đến tính thiết thực, kinh tế, tiết kiệm cho người tiêu dùng.
- Đối với sản phẩm NET, Công ty tuyệt đối chú trọng các vấn đề quản lý trong sản xuất để đảm bảo chất lượng sản phẩm đúng như cam kết với khách hàng.
- Đối với đội ngũ nhân viên bán hàng, Công ty chủ trương tìm kiếm, chiêu mộ người làm việc có năng lực và nhiệt huyết với nghề để đồng hành cùng NETCO.





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Về hoạt động bán hàng

Để chiếm được niềm tin và sự yêu thích của người tiêu dùng, Công ty đã và đang triển khai thực hiện nghiêm túc 3 nguyên tắc: khách hàng thấy NET, khách hàng biết NET, khách hàng tin NET. Các nguyên tắc này được thông qua các hình thức như: thương lượng với các siêu thị để tăng trưng bày tối đa hàng NET tại khu vực khuyến mãi; tăng cường tư vấn để khách hàng biết được sản phẩm NET là hàng Việt Nam chất lượng cao, có chi phí tiết kiệm và quy trình khử vi sinh nghiêm ngặt, đảm bảo an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng; đồng thời tự tin giới thiệu tới khách về sản phẩm của Công ty và có chính sách hậu mãi tốt.



Về hoạt động đầu tư

Bên cạnh các hoạt động mở rộng bán hàng, Công ty cũng chú trọng đến hoạt động đầu tư xây dựng nhà máy. Bởi NETCO tin rằng, một chiến lược đầu tư cho dài hạn sẽ mang đến lợi ích lâu dài và bền vững. Sau hai năm vận hành nhà máy sản xuất mới tại Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai thì hiện tại, nhà máy mới của NETCO đang dần đi vào hoạt động ổn định với công suất được nâng dần lên tối đa. Với quy mô hiện đại và khả năng tối đa hóa tự động, nhà máy sẽ góp phần đưa NETCO đến với mục tiêu trở thành đơn vị sản xuất chất tẩy rửa hàng đầu trong nước và khu vực.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

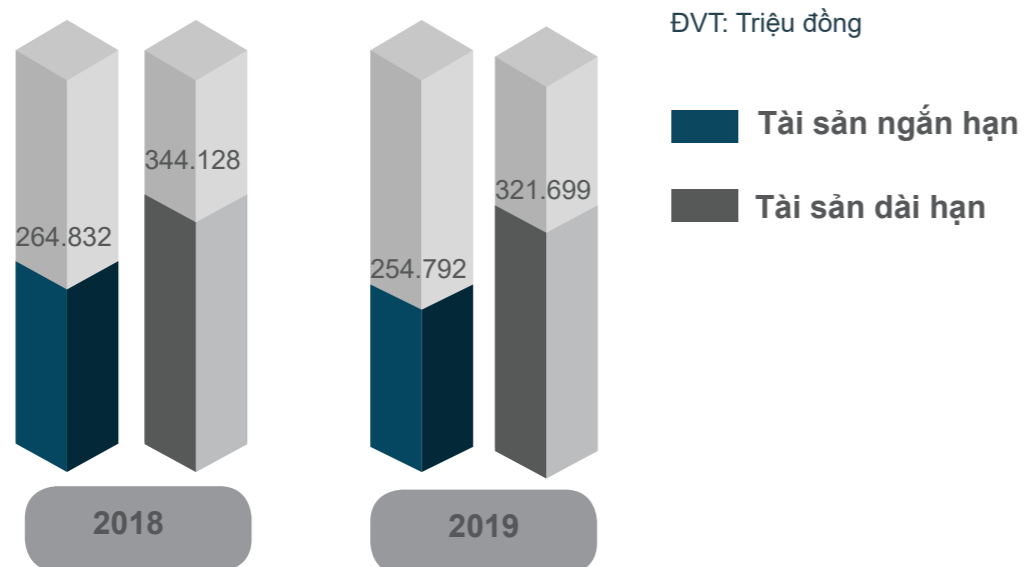
Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tăng giảm 2019 so với 2018	Tỷ trọng 2019 (%)	Tỷ trọng 2018 (%)
Tài sản ngắn hạn	254.792	264.832	-3,8%	44,2%	43,5%
Tài sản dài hạn	321.699	344.128	-6,5%	55,8%	56,5%
Tổng tài sản	576.491	608.960	-5,3%	100,0%	100,0%

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng tài sản của Công ty đạt 576 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 44,2%, đạt 255 tỷ đồng và tài sản dài hạn chiếm 55,8%, đạt 322 tỷ đồng.

Tình hình tài sản



Tài sản ngắn hạn vào thời điểm cuối năm 2019 giảm 11 tỷ so với mức 265 tỷ của năm 2018. Tiền mặt đạt 37 tỷ, giảm 53 tỷ so với cùng thời điểm năm 2018 do trong quý 3/2019, Công ty đã chi trả các khoản vay gốc của ngân hàng và chuyển các khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng thành các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn với các kỳ hạn gửi dài hơn. Cụ thể, khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn tăng thêm 54 tỷ là các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương và Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh Biên Hòa với lãi suất 6,4% - 7%/năm.

Khoản phải thu đạt 50 tỷ đồng, tăng 42,7% so với cùng kỳ do trong năm Công ty đẩy mạnh tăng cung hàng hóa tại các điểm bán hàng mới như Bách Hóa Xanh, nên Công ty đã nới lỏng các chính sách tín dụng hơn để gia tăng sức cạnh tranh. Hàng tồn kho đạt 105 tỷ, giảm 18,8% so với năm 2018 nhờ vào chính sách quản lý hàng tồn kho của Công ty hiệu quả hơn, các sản phẩm được tiêu thụ tốt, tốc độ bán hàng tại các điểm bán được đẩy nhanh hơn.

Tài sản dài hạn giảm 6,5% so với cùng kỳ do Công ty đã trích khấu hao nhà máy 20 tỷ. Ngoài ra, khoản mục bất động sản đầu tư giảm 1,6 tỷ so với năm 2018, ở mức 12 tỷ cũng do chi phí khấu hao ở nhà máy cũ tại Biên Hòa. Hiện nhà máy này đang được Công ty cho thuê lại. Bên cạnh đó, khoản mục tài sản dài hạn khác đạt 47 tỷ, chiếm 14,6% trong tài sản dài hạn. Đây là các chi phí trả trước dài hạn cho việc sử dụng hạ tầng từ các nhà máy của Công ty.



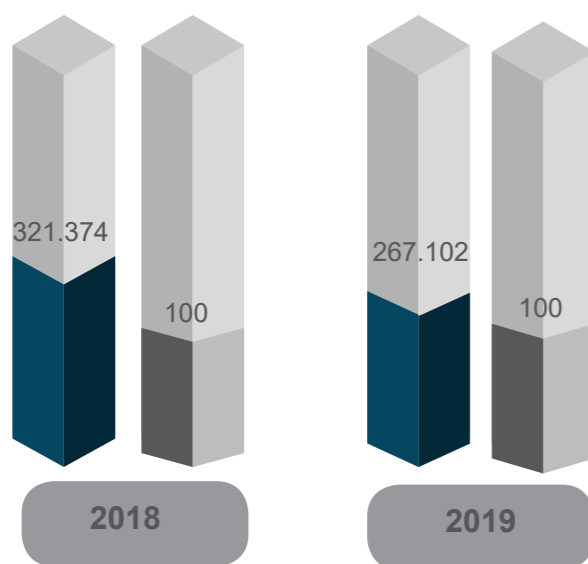


Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tăng giảm 2019 so với 2018	Tỷ trọng 2019 (%)	Tỷ trọng 2018 (%)
Nợ ngắn hạn	267.102	321.374	-16,9%	99,96%	99,97%
Nợ dài hạn	100	100	0,0%	0,04%	0,03%
Tổng nợ phải trả	267.202	321.474	-16,9%	100,00%	100,00%

Tình hình nợ phải trả



ĐVT: Triệu đồng

■ Nợ ngắn hạn
■ Nợ dài hạn

Nợ phải trả giảm mạnh từ 319 tỷ còn 267 tỷ vào cuối năm 2019 do Công ty đã chủ động thanh toán các khoản nợ ngân hàng để hạn chế gánh nặng chi phí lãi vay. Cụ thể, khoản vay của Công ty đã giảm 74 tỷ so với thời điểm đầu năm. Có thể thấy các khoản nợ của Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn để duy trì các hoạt động kinh doanh và hầu như không có vay nợ dài hạn, điều này giúp Công ty giảm thiểu được các chi phí lãi vay.

Bên cạnh đó, trên 60% cơ cấu nợ ngắn hạn của NETCO là các khoản phải trả người bán ngắn hạn, điều này chứng tỏ NETCO đã có được uy tín lớn đối với các nhà cung cấp.

NHỮNG CẢI TIẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Trong năm 2019, công ty tiếp tục thực hiện những cải tiến cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý với mô hình phân cấp. Các phân xưởng, phòng ban quản lý được quyền ra quyết định trong phạm vi quyền hạn quy định. Mô hình này giúp Ban lãnh đạo quản lý tốt hơn về mặt nhân sự, tạo động lực cho cấp dưới và khuyến khích các cấp quản lý phát huy sáng tạo. Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức này sẽ cần hiệu chỉnh để phù hợp với mục tiêu trung hạn và dài hạn trong giai đoạn 2020 - 2025.

Chính sách người lao động tiếp tục là một trong những chính sách trọng tâm của Công ty. Người lao động có chuyên môn cao, được đánh giá tốt cả về kết quả công việc và phẩm chất sẽ được Công ty khuyến khích, tạo điều kiện để phát huy khả năng tại Công ty. Để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các phòng ban, công ty tiếp tục cử cán bộ đi học các khóa học ngắn hạn theo từng chuyên đề riêng. Chính sách tài chính, chính sách bán hàng, chính sách nguồn cung ứng, chính sách thưởng/ phạt v.v... được thay đổi để phù hợp với tình hình của từng giai đoạn.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2020

- Tiếp tục định hướng trở thành nhà sản xuất lớn trong khu vực, đa dạng mặt hàng tẩy rửa, từng bước nâng cao giá trị thương hiệu.
- Tiếp tục thực hiện chính sách đào tạo, huấn luyện, nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV và xây dựng chính sách trọng nhân tài.
- Nâng cao hiệu suất sử dụng nhà máy Lộc An.
- Nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất (nhân công, tiện ích)/tán sản phẩm.

STT	Chỉ tiêu 2020 (*)	ĐVT	Giá trị
1	Doanh thu	Tỷ đồng	Không thấp hơn 10% so với 2019
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	Không thấp hơn năm 2019

(*) Chỉ tiêu cụ thể năm 2020 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 quyết định



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2019 thực hiện:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	TH2019/TH2018	TH2019/KH2019
Tổng doanh thu	1.127.665	1.157.311	1.103.000	103,58%	104,92%
Lợi nhuận trước thuế	60.363	86.279	50.500	146,41%	170,85%



Công ty cổ phần Bột giặt NET đã bước qua năm 2019 với nhiều thuận lợi cũng như thách thức đi kèm. Về mặt thuận lợi, thị trường sản xuất chất tẩy rửa của Việt Nam ngày càng tăng trưởng nhờ vào tốc độ phát triển kinh tế nhanh của Việt Nam, chất lượng đời sống người dân ngày càng cải thiện đã thúc đẩy nhu cầu chi tiêu các mặt hàng tiêu dùng. Bên cạnh đó, nhà máy sản xuất của Công ty đã bắt đầu đi vào hoạt động ổn định, công suất ngày càng được nâng lên. Đây chính là động lực thúc đẩy tăng trưởng của NETCO trong những giai đoạn dài hạn tiếp theo cả về quy mô lẫn chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, thương hiệu Bột giặt NET ngày càng tăng được độ nhận diện, quan tâm và yêu thích từ khách hàng với nhiều sản phẩm và mẫu mã mới phù hợp với thị trường được ra đời trong năm.

Năm 2019, NET đã gặt hái được rất nhiều thành công lớn, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều vượt so với cùng kỳ và vượt so với kế hoạch đặt ra: Tổng doanh thu đạt 1.157 tỷ đồng (tăng 3,58% so với cùng kỳ, tăng 4,92% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 86 tỷ đồng (tăng 46,4% so với cùng kỳ, tăng 70,8 so với kế hoạch)...; thu nhập của Người lao động cải thiện và ổn định.

Để đạt được thành tích trên là sự nỗ lực vượt bậc, không ngừng và tinh thần đoàn kết cao của Ban Lãnh đạo Công ty, tập thể người lao động, cùng vượt qua khó khăn, kiên định với mục tiêu phát triển bền vững.

Hơn 50 năm kinh nghiệm trong ngành sản xuất chất tẩy rửa cùng với tâm thế chủ động và sự quyết tâm cao, HĐQT và Ban điều hành đã đề ra các giải pháp, chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt và vượt cả các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh. Đây sẽ là động lực để Ban lãnh đạo tiếp tục cố gắng, phát huy năng lực sản xuất, đề ra các chiến lược mới để đưa NETCO từng bước trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong nhóm ngành hàng chất giặt rửa của Việt Nam.

**“ CHÍNH TRỰC
TÔN TRỌNG
HỢP TÁC ”**





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng Nghị quyết về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức năm đúng theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua:

- Thực hiện Công tác tài chính kế toán lành mạnh; Quản lý dòng tiền, hàng hóa tập trung, khoa học tạo tiền đề lớn cho việc quản lý hiệu quả trong luân chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu, quản lý công nợ; Cân đối dòng tiền để thanh toán khoản nợ vay ngân hàng, không để tình trạng nợ đọng hoặc chậm trả nợ;
- Ban Tổng giám đốc có những kế hoạch và quyết định được ban hành sát với tình hình thực tế của Công ty cũng như diễn biến thị trường giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt.
- Thực hiện chi trả lương, thưởng, phúc lợi, trợ cấp theo đúng Bộ Luật lao động, Điều lệ Công ty. Chi trả lương đúng hạn và đầy đủ. Thực hiện ký hợp đồng lao động bao gồm đầy đủ BHXH, BHYT và trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước và Luật lao động.
- Ký kết các hợp đồng kinh tế quan trọng trong năm 2019 trên cơ sở pháp lý đảm bảo quyền lợi của Công ty và Cổ đông, đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà Nước

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Bột giặt Net;
- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, áp dụng hệ thống công nghệ quản trị tiên tiến, đặc biệt chú trọng đổi mới hệ thống công nghệ trong các khâu bán hàng, quản lý, điều hành, kế toán, nhân sự...;
- Tiếp tục thực thi chiến lược phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường, thực hành tiết kiệm, có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phân đầu hoàn thành kế hoạch năm 2020 mà Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Xây dựng một chiến lược phát triển thị trường dài hạn, phù hợp với vị thế mới, xu hướng thị trường trong đó tiếp tục duy trì và phát triển thị trường truyền thống; tiếp cận và triển khai có hiệu quả thị trường công nghệ hiện đại.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát



Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Quốc Cường	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Thái Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT	113.122	0,505%
3	Phạm Quang Hòa	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	0	0%
5	Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên HĐQT	0	0%

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Trần Quốc Cường	Chủ tịch HĐQT	11/11	100%	
2	Thái Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT	11/11	100%	
3	Phạm Quang Hòa	Thành viên HĐQT	11/11	100%	
4	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	10/11	91%	vắng có lý do
5	Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên HĐQT	11/11	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, phối hợp với Ban Kiểm soát công ty kiểm tra giám sát các vấn đề sau:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra.
- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các văn bản HĐQT đã ban hành về tiến độ và biện pháp thực hiện.
- Thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám đốc.
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hiện nay HĐQT chưa thành lập các tiểu ban tuy nhiên HĐQT đã phân công các thành viên phụ trách từng lĩnh vực.

Các Nghị quyết, Quyết định trong năm của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I. CÁC NGHỊ QUYẾT			
1	01/NQ-HĐQT-NET/2019	06/03/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua nội dung chuẩn bị Đại Hội cổ đông thường niên năm 2019
2	02/NQ-HĐQT-NET/2019	10/04/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, thông qua các nội dung triển khai công tác tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
3	03/NQ-HĐQT-NET/2019	25/04/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua kế hoạch vay vốn lưu động năm 2019
4	04/NQ-HĐQT-NET/2019	25/04/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý 1/2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2/2019.
5	05/NQ-HĐQT-NET/2019	03/06/2019	Nghị quyết HĐQT về việc chi trả cổ tức còn lại năm 2018
6	06/NQ-HĐQT-NET/2019	22/08/2019	Nghị quyết HĐQT về việc báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý 2/2019, 6 tháng đầu năm và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2019
7	07/NQ-HĐQT-NET/2019	03/09/2019	Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019
8	08/NQ-HĐQT-NET/2019	23/11/2019	Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019
9	09/NQ-HĐQT-NET/2019	25/12/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua chủ trương bổ nhiệm lại chức danh Tổng giám đốc công ty đối với bà Thái Thị Hồng Yến
10	10/NQ-HĐQT-NET/2019	25/12/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua việc công bố thông tin nội dung, tài liệu nhận được của Công ty Trách nhiệm hữu hạn MASAN HPC chào mua công khai cổ phần Công ty Cổ phần bột giặt NET (Mã chứng khoán: NET)
11	11/NQ-HĐQT-NET/2019	25/12/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua kế hoạch vay vốn tại một số Ngân hàng của Công ty cổ phần bột giặt NET
12	12/NQ-HĐQT-NET/2019	25/12/2019	Nghị quyết HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh quý 3 năm 2019, 9 tháng đầu năm 2019 và mục tiêu thực hiện cả năm 2019
II. CÁC QUYẾT ĐỊNH			
1	01/QĐ-HĐQT-NET/2019	31/01/2019	Quyết định của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí hoạt động của Đảng và Đoàn Thanh niên năm 2019
2	02/QĐ-HĐQT-NET/2019	28/02/2019	Quyết định của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2018 của người lao động và người quản lý Công ty cổ phần bột giặt NET



Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng BKS	Là thành viên BKS đến 28/06/2016; từ 28/06/2016 là trưởng BKS	4/4	100%
2	Dương Huy Mạnh	Ủy viên BKS	Là thành viên BKS từ 28/06/2016	4/4	100%
3	Nguyễn Thị Mai Phương	Ủy viên BKS	Là thành viên BKS từ 28/06/2016	4/4	100%

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính theo các định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 thông qua. Xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành công ty, thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công ty. Các biên bản, Nghị quyết của HĐQT được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ và công bố thông tin đúng thời hạn theo các nội dung đã thống nhất thông qua và được Ban điều hành triển khai thực hiện.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; Triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành. Cụ thể bao gồm:

- Kiểm tra, rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành kiểm tra các tờ trình của Ban Tổng Giám đốc, nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Góp ý kiến thiết thực, tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD chung của Công ty tại các cuộc họp HĐQT.
- Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm qua.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động.
- Hàng quý kiểm soát tình hình tài chính của Công ty thông qua báo cáo tài chính quý được lập theo quy định.
- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi. • Các tài liệu trong các kỳ họp của HĐQT đều được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị, nhờ đó Ban kiểm soát có thể giám sát tốt các hoạt động của Công ty, có ý kiến kịp thời đến công tác quản lý, điều hành của Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Lương công việc	Lương hiệu quả	Thưởng	Tổng cộng
1. Hội đồng quản trị					
1.1	Trần Quốc Cường	60.000.000		10.000.000	70.000.000
1.2	Nguyễn Thị Phương Thùy	48.000.000		10.000.000	58.000.000
1.4	Phạm Quang Hòa	48.000.000		10.000.000	58.000.000
1.5	Nguyễn Mạnh Hùng	48.000.000		10.000.000	58.000.000
1.6	Thái Thị Hồng Yến	48.000.000		10.000.000	58.000.000
2. Ban kiểm soát					
2.1	Nguyễn Thị Hồng Châu	18.000.000		25.000.000	43.000.000
2.2	Dương Huy Mạnh	18.000.000			18.000.000
2.3	Nguyễn Thị Mai Phương	18.000.000			18.000.000
3. Ban điều hành					
3.1	Thái Thị Hồng Yến	360.901.000	350.662.000	166.400.000	877.963.000
3.2	Phạm Quốc Cường	405.330.000		104.800.000	510.130.000
3.3	Cao Trần Đăng Khoa	332.475.000		92.400.000	424.875.000
3.4	Trần Thị Ái Liên	335.055.000		85.600.000	420.655.000

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích, theo tỷ lệ:

STT	Họ và tên	Lương công việc	Lương hiệu quả	Thưởng	Tổng cộng
1. Hội đồng quản trị					
1.1	Trần Quốc Cường	86%		14%	100%
1.2	Nguyễn Thị Phương Thùy	83%		17%	100%
1.4	Phạm Quang Hòa	83%		17%	100%
1.5	Nguyễn Mạnh Hùng	83%		17%	100%
1.6	Thái Thị Hồng Yến	83%		17%	100%
2. Ban kiểm soát					
2.1	Nguyễn Thị Hồng Châu	42%		58%	100%
2.2	Dương Huy Mạnh	100%		0%	100%
2.3	Nguyễn Thị Mai Phương	100%		0%	100%
3. Ban điều hành					
3.1	Thái Thị Hồng Yến	41%	40%	19%	100%
3.2	Phạm Quốc Cường	79%		21%	100%
3.3	Cao Trần Đăng Khoa	78%		22%	100%
3.4	Trần Thị Ái Liên	80%		20%	100%

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty	Số CP sở hữu ban đầu		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm	Thời gian thực hiện
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ		
1	Trần Thị Ái Liên	Kế Toán Trưởng	24,952	0.111%	12,952	0.0578%	Giao dịch bán	Từ 11/12/2019 đến 4/01/2020

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

“Thước đo đánh giá sự thành công của của một doanh nghiệp bền vững bắt nguồn từ những tác động mà họ tạo ra đối với xã hội”

NETCO chuyên sản xuất và kinh doanh chất tẩy rửa, trong đó nguyên liệu chính là hóa chất. Vì vậy, trong hoạt động sản xuất, Công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hoá các bộ tiêu chuẩn định mức như tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu tiêu; các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Quản lý không hiệu quả sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, việc bảo quản và lưu giữ hóa chất không đúng cách không chỉ làm giảm chất lượng sản phẩm mà còn tác động đến sức khỏe người lao động. Hiểu được điều này, Công ty luôn đảm bảo an toàn và bảo toàn chất lượng để mang lại sản phẩm tốt khi đi vào sản xuất với hệ thống nhà kho luôn được bảo trì và đảm bảo nhiệt độ thích hợp.

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của Công ty không chỉ bảo đảm chất lượng tốt mà còn đảm bảo vệ sinh môi trường. Hướng tới hình ảnh của một Công ty thân thiện với môi trường, Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường nhất là kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải và đảm bảo điều kiện tốt nhất cho công nhân làm việc tại Công ty, cụ thể:

Môi trường khí thải tại nguồn

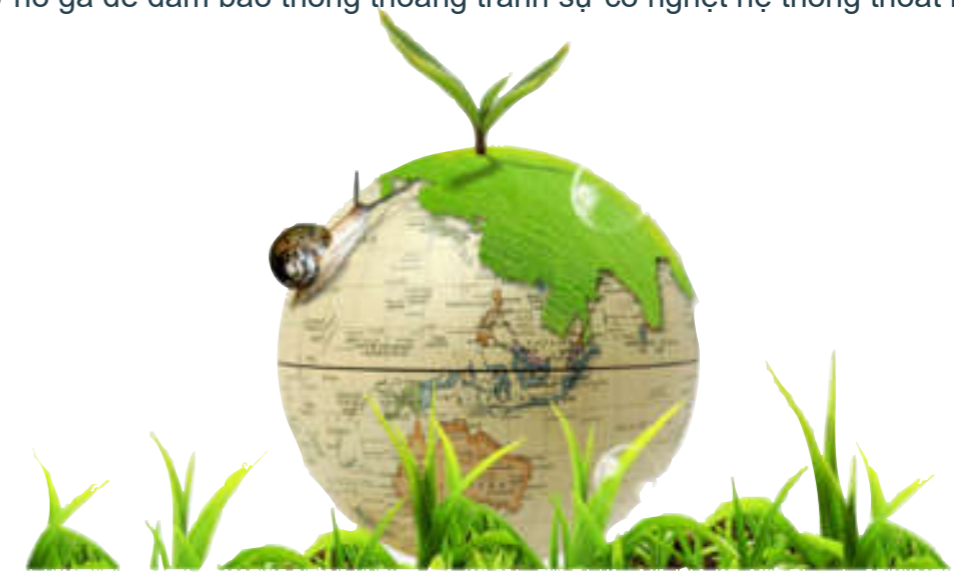
Môi trường khí thải tại tháp sấy và tháp phân li như: Bụi tổng, CO, NO₂, SO₂ đều đạt tiêu chuẩn theo QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Tuy nhiên Công ty có các biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng do bụi và tiếng ồn ngoài đường ảnh hưởng tới Công ty, Đảm bảo diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn quy định để tạo sự thoáng mát, cải thiện điều kiện vi khí hậu, ngăn bụi phát tán và giảm thiểu tiếng ồn phát sinh. Thường xuyên thay mới về các bộ hộ lao động cho công nhân.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã áp dụng việc sử dụng khí CNG (khí thiên nhiên nén, thành phần chủ yếu là khí CH₄) để làm nhiên liệu đốt lò nên hạn chế rất nhiều việc phát thải các khí độc hại ra môi trường như SO₂, NO_x ...

Nước thải

Các chỉ tiêu của nước thải sinh hoạt của Công ty được xử lý trước khi xả thải vào cống thoát nước thải chung của khu vực, các chỉ tiêu như: pH, TSS, BOD₅, Tổng Nitơ, Tổng phospho, Tổng Coliform đều nằm trong giới hạn tiếp nhận của KCN Lộc An – Bình Sơn.

Công ty đã tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải. Các tuyến thoát nước mưa có hố ga đặt song chắn rác để tách rác. Nước mưa từ mái nhà sẽ được thu gom bằng máng thu và ống dẫn từ trên xuống thẳng cống thoát nước không cho chảy tràn ra mặt bằng và định kỳ nạo vét các chất lơ lửng đã lắng ở hố ga để đảm bảo thông thoáng tránh sự cố nghẹt hệ thống thoát nước mưa.





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Chất thải rắn

Chất thải sinh hoạt, Công ty bố trí thùng chứa rác và kho chứa rác thải sinh hoạt hợp lý, tránh phát sinh mùi ảnh hưởng đến mọi hoạt động trong Công ty và có hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom vận chuyển xử lý rác sinh hoạt.



Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại được lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại có mái che, có bảng cảnh báo chất thải nguy hại đúng quy định.

Công ty ký hợp đồng gom rác nguy hại với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Chất lượng môi trường tại Công ty đảm bảo tốt và không gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường khu vực xung quanh đều đạt QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, nước thải nằm trong giới hạn tiếp nhận của KCN Lộc An – Bình Sơn. Thường xuyên kiểm tra và theo dõi các thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, cũng như thực hiện tốt các công tác an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy.

Thực hiện tốt các biện pháp PCCC và tuân thủ nghiêm ngặt Luật PCCC của nhà nước và các quy định về PCCC của tỉnh Đồng Nai.





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Tại NETCO, các chương trình trách nhiệm xã hội là hoạt động cần thiết và tiên quyết đối với sự phát triển bền vững của Công ty. Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB - CNV luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ thông qua các hoạt động từ thiện như: **“Vượt lên chính mình”**, chương trình phát học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học, chính sách đối với người có công với cách mạng, tạo điều kiện cho các em sinh viên trẻ được thực tập, phong trào **“Hiến máu nhân đạo”**, góp ủng hộ quỹ **“Hương về Trường Sa”** được phát động trong lực lượng đoàn viên thanh niên.



Công ty luôn nhận thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn, không gây nguy hại đến cộng đồng và môi trường. Cụ thể:

- Công ty đã sử dụng biến tần cho toàn bộ các thiết bị còn lại như Máy nén Khí, hệ thống Quạt Tẩy rửa lồng, Bơm các loại, băng tải chuyển thùng; thay thế các bóng đèn cao áp công suất lớn áp bằng các bóng đèn Led công suất nhỏ nhưng quang thông chiếu sáng như nhau;
- Tháo dỡ những bóng đèn cao áp và chiếu sáng không cần thiết trong nhà xưởng và nhà kho nhưng vẫn đảm bảo đủ ánh sáng làm việc;
- Sử dụng nước nóng năng lượng mặt trời để thanh và khử trùng tại xưởng Tẩy rửa lồng (trước đây phải dùng Lò hơi để gia nhiệt nước nóng, đã giúp tiết kiệm đến khoảng 10% chi phí hoạt động và đảm bảo hạn chế thấp nhất tác động đối với môi trường.
- Trong năm, Công ty duy trì hệ thống tái chế nước thải sử dụng lại nhằm tiết kiệm được chi phí và hạn chế thải chất độc hại ra môi trường.

Môi trường tại Nhà máy mới Lộc An – Bình Sơn được đánh giá là môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát và an toàn cho người lao động. Với chi phí đầu tư gần 15 tỷ cho hệ thống Nucon thu gom hút bụi và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước tuần hoàn tái sử dụng cho sản xuất, nhà máy Lộc An đã mang lại môi trường Trong lành - Sạch - Đẹp cho các đối tượng làm việc tại công ty và cộng đồng người dân địa phương.





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Môi trường làm việc

NETCO luôn chú trọng tạo ra môi trường làm việc thân thiện, kết nối và đảm bảo an toàn cho người lao động, để mỗi công nhân viên đều cảm thấy là một phần của tập thể NETCO.

Về chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, Công ty tổ chức khám chữa bệnh định kỳ, thăm khám bệnh nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên Công ty. Trong năm qua, Công ty không có xảy ra tai nạn lao động trong quá trình sản xuất kinh doanh, không có người mắc bệnh nghề nghiệp.

Tại các nhà máy Công ty thường xuyên tổ chức đo kiểm môi trường lao động nhằm đánh giá thực trạng khu vực làm việc và có phương án cải thiện môi trường làm việc nhằm đảm bảo an toàn về lao động, sức khỏe cho người lao động.

Bên cạnh đó, nhằm mang lại không khí vui tươi, thoải mái cho công nhân viên sau giờ làm việc, Công ty đã phối hợp cùng Công đoàn tổ chức các hoạt động tập thể như thi hội thao, ca hát văn hóa văn nghệ, thi nâng cao tay nghề, thi nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, ... Các hoạt động tập thể này nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết cán bộ Công nhân viên các khối trong toàn Công ty.



Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Với NETCO, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là sự đầu tư dài hạn, làm nền tảng cho các chiến lược phát triển lâu dài. Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo nội bộ một cách toàn diện. Bên cạnh các kiến thức về kỹ thuật sản xuất, vận hành máy móc, Công ty còn đẩy mạnh đào tạo các kỹ năng mềm cho công nhân viên. Mỗi khóa học đều được thiết kế chu đáo, hình thức phong phú, thu hút, hướng đến mục tiêu ứng dụng cao sau khi học.

STT	Danh mục	Số giờ bình quân
1	Huấn luyện an toàn nhóm 1	16
2	Huấn luyện an toàn nhóm 2	48
3	Huấn luyện an toàn nhóm 3	24
4	Huấn luyện an toàn nhóm 3 hóa chất	40
5	Huấn luyện an toàn nhóm 4	16
6	Đào tạo, huấn luyện an toàn vận hành thiết bị nâng	624
7	Đào tạo, huấn luyện an toàn vận hành lò hơi	624
8	Huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng bán hàng	16
9	Huấn luyện nghiệp vụ PCCC	32
10	Huấn luyện nghiệp vụ khác	Trên 2.000

Ngoài ra, Công ty luôn hướng đến việc mở rộng cơ hội để nhân viên thể hiện, khẳng định bản thân để vươn tới những vị trí cao hơn trong lộ trình nghề nghiệp. Cụ thể, Công ty đã xây dựng nhiều chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

- Phát triển kỹ năng bán hàng và dịch vụ cho cán bộ, nhân viên làm công tác thị trường.
- Huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ, An toàn vệ sinh lao động cho từng nhóm đối tượng lao động theo định kỳ (hàng năm) và đột xuất cho lao động mới, huấn luyện nghiệp vụ Phòng cháy chữa cháy, tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng cháy chữa cháy – Cứu nạn cứu hộ.
- Cử Cán bộ Công nhân viên tham dự lớp đào tạo chuyên môn về vận hành sử dụng các thiết bị nghiêm ngặt trong năm 2019.
- Cử cán bộ tham gia học lớp trung cấp chính trị - hành chính.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Investment value at Year end

339 970	373 967
56 969	804 029
817	1 296 731
58	1 859 317
	2 499 808
	3 227 076
	4 050 935
	R 28 331

Investment

424 963
446 211
468 522
491 948
516 545
542 372
569 491

Start at monthly
Can we do to

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt NET (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Quốc Cường	Chủ tịch
Bà Thái Thị Hồng Yến	Thành viên
Ông Phạm Quang Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng giám đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất
Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc chất lượng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Thái Thị Hồng Yến
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-24) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-24) 6278 2905

Số: 35/2020/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Bột giặt Net

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bột giặt Net (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02/03/2020, từ trang 05 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt Net tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại thuyết minh số 36 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Các số liệu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính là các số liệu đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo Thông báo kết quả kiểm toán số 870/TB-KTNN ngày 01/11/2019 của Kiểm toán Nhà nước. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Bình Minh
Tổng Giám đốc
 Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 0034-2018-055-1

Trần Minh Nguyệt
Kiểm toán viên
 Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 3412-2020-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
 Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		254.792.224.647	264.831.826.994
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	36.532.947.546	90.315.322.234
1. Tiền	111		8.432.947.546	9.815.322.234
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.100.000.000	80.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		63.500.000.000	9.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	63.500.000.000	9.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.704.850.015	34.839.193.090
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	47.480.165.795	32.844.745.788
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		304.021.168	533.672.068
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	264.904.600
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.920.663.052	1.195.870.634
IV. Hàng tồn kho	140	10	104.650.353.578	128.854.022.719
1. Hàng tồn kho	141		104.650.353.578	128.854.022.719
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		404.073.508	1.323.288.951
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		404.073.508	1.285.392.298
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	37.896.653
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		321.698.917.596	344.127.743.228
I. Tài sản cố định	220		262.541.372.831	281.787.967.192
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	262.355.164.494	281.787.967.192
- Nguyên giá	222		378.756.573.807	378.230.450.262
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(116.401.409.313)	(96.442.483.070)
2. Tài sản cố định vô hình	227		186.208.337	-
- Nguyên giá	228		205.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.791.663)	-
II. Bất động sản đầu tư	230	14	12.031.275.655	13.600.593.917
- Nguyên giá	231		34.505.676.919	34.505.676.919
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(22.474.401.264)	(20.905.083.002)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.000.000	102.500.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.000.000	102.500.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
V. Tài sản dài hạn khác	260		47.106.269.110	48.636.682.119
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	47.106.269.110	48.636.682.119
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		576.491.142.243	608.959.570.222

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		267.201.753.442	321.474.294.917
I. Nợ ngắn hạn	310		267.101.753.442	321.374.294.917
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	170.411.435.582	181.886.206.277
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.938.604.170	8.929.534.481
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.562.508.365	4.538.005.396
4. Phải trả người lao động	314		12.935.604.490	12.034.676.590
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	18.481.070.432	18.670.070.319
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		385.404.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	13.183.950.939	6.426.442.110
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	9.446.409.810	83.741.166.661
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.756.765.654	5.148.193.083
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000	100.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	100.000.000	100.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		309.289.388.801	287.485.275.305
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	309.289.388.801	287.485.275.305
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		223.983.740.000	223.983.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		223.983.740.000	223.983.740.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.706.553.642	15.706.553.642
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.599.095.159	47.794.981.663
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.884.420.663	7.694.588.682
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		56.714.674.496	40.100.392.981
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		576.491.142.243	608.959.570.222

Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Ái Liên

Trần Thị Ái Liên

Thái Thị Hồng Yến



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MẪU SỐ B02- DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.157.310.901.105	1.117.335.189.334
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.157.310.901.105	1.117.335.189.334
4. Giá vốn hàng bán	11	22	923.578.042.792	918.876.263.939
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		233.732.858.313	198.458.925.395
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	5.784.026.756	6.645.451.095
7. Chi phí tài chính	22	25	2.710.674.263	6.255.819.364
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	1.665.080.319	2.829.779.660
8. Chi phí bán hàng	25	23	124.649.566.982	113.735.360.555
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	26.579.643.971	29.272.598.895
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		85.576.999.853	55.840.597.676
11. Thu nhập khác	31	27	1.317.180.062	3.553.440.081
12. Chi phí khác	32	28	614.783.957	462.921.043
13. Lợi nhuận khác	40		702.396.105	3.090.519.038
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		86.279.395.958	58.931.116.714
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	5.156.022.262	4.234.536.733
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		81.123.373.696	54.696.579.981
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.332	2.232

Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Ái Liên

Trần Thị Ái Liên

Thái Thị Hồng Yến



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	86.279.395.958	58.931.116.714
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	21.547.036.168	23.083.414.177
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	17.585.732	(423.314.353)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.141.045.442)	(5.441.559.590)
- Chi phí lãi vay	06	1.665.080.319	2.829.779.660
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	105.368.052.735	78.979.436.608
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(13.986.636.464)	6.129.421.158
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	24.178.369.141	(20.359.000.573)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	15.450.888.891	25.966.658.948
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.530.413.009	1.325.217.299
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.660.577.183)	(2.788.143.913)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.223.619.447)	(5.459.796.542)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.800.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.194.427.429)	(3.677.585.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	122.462.463.253	80.119.007.120
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(630.523.545)	(10.831.287.073)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	945.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(54.000.000.000)	(9.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	264.904.600	68.095.400
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.918.872.024	4.441.338.884
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(50.446.746.921)	(14.875.943.698)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	174.681.428.143	272.640.228.384
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(248.963.985.584)	(299.823.723.307)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(51.515.626.550)	(44.796.197.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(125.798.183.991)	(71.979.691.923)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(53.782.467.659)	(6.736.628.501)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	90.315.322.234	97.052.279.042
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	92.971	(328.307)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	36.532.947.546	90.315.322.234

Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Ái Liên

Trần Thị Ái Liên

Thái Thị Hồng Yến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bột giặt Net ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000053 ngày 01/07/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu và Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 số 3600642822 ngày 26/5/2017.

Vốn điều lệ của Công ty là 223.983.740.000 đồng, tương ứng với 22.398.374 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NET.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, trụ sở chính của Công ty tại Đường D4, Khu công nghiệp Lộc An-Bình Sơn, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất chất tẩy rửa, mỹ phẩm;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất nước uống đóng chai (không sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng; kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (hoạt động ngoài tỉnh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm 31/12/2019, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng chính tại Đồng Nai và ba Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

STT	Tên Chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Hà Nội	Km số 1, đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
2	Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 617 - 629 Bến Bình Đông, Phường 13, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.
3	Chi nhánh Biên Hòa	Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có số dư nợ ngắn hạn vượt quá số dư tài sản ngắn hạn khoảng 12,309 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2018 khoảng 54,478 tỷ đồng); Ban Giám đốc tin tưởng với tình hình hoạt động kinh doanh và thu tiền bán hàng, Công ty không bị ảnh hưởng trong việc thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn thanh toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở cộng các số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Hồ Chí Minh sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả và các khoản điều chuyển nội bộ.

Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ tiếng Việt.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các loại chứng khoán nợ khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu về cho vay dài hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh "Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi".

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả

tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính hoặc giá trị còn lại chia cho thời gian hữu dụng còn lại, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 15

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư cho thuê/nắm giữ chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế/tổn thất do suy giảm giá trị. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm toàn bộ tài sản là hệ thống nhà cửa vật kiến trúc, cơ sở hạ tầng của Công ty tại Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B09 - DN**

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	20 - 25
Cơ sở hạ tầng	05 - 20

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí quảng cáo; chi phí sử dụng hạ tầng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

- Chi phí công cụ dụng cụ bao gồm các tài sản không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định hữu hình đã đưa vào sử dụng. Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 36 tháng.
- Phí sử dụng hạ tầng đợt 1,2 cho khu đất tại Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn phục vụ cho dự án di dời nhà máy tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 đến Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, sẽ được tập hợp và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hạ tầng khu công nghiệp.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay từ các ngân hàng thương mại.

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản vay có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn". Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo;

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng; chi phí bao bì, đóng gói; chi phí vận chuyển; chi phí hỗ trợ nhà phân phối; chi phí quảng cáo, hoa hồng, môi giới....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi hoàn nhập các khoản dự phòng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 tính từ năm 2018 như sau:

Hoạt động	Ưu đãi về thời gian miễn, giảm	
	Miễn	Giảm 50%
Thu nhập phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng	2 năm	4 năm

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày ở Thuyết minh số 31.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	745.564.577	283.417.962
Tiền gửi ngân hàng	7.687.382.969	9.531.904.272
Các khoản tương đương tiền (*)	28.100.000.000	80.500.000.000
Cộng	36.532.947.546	90.315.322.234

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa với lãi suất từ 5%/năm đến 5,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa với lãi suất từ 6,4%/năm đến 7%/năm.

7. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rau quả Căn Thờ số tiền là 716.390.400 đồng. Công ty năm giữ số lượng 6.600 cổ phần, mệnh giá là 100.000 đồng/1 cổ phần, chiếm 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rau quả Căn Thờ. Hiện tại Công ty Cổ phần Rau quả Căn Thờ đã ngừng hoạt động do bị thua lỗ kéo dài và hiện đơn vị này đã làm thủ tục giải thể doanh nghiệp; Ban điều hành Công ty Cổ phần Bột giặt Net đã trích lập dự phòng theo mức 100% cho toàn bộ khoản đầu tư nói trên với số tiền 716.390.400 đồng.

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Quốc tế Unilver Việt Nam	2.942.960.595	2.597.787.006
NEU-TECH Ltd	-	1.864.925.502
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố	7.849.514.445	8.964.444.483
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bách Hóa Xanh	7.534.243.707	2.816.428.708
Các khách hàng khác	29.153.447.048	16.601.160.089
Cộng	47.480.165.795	32.844.745.788

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự thu lãi tiền gửi	890.164.931	-	833.655.897	-
Ký cược, ký quỹ	858.000.000	-	-	-
Tạm ứng	43.571.700	-	43.634.102	-
Phải thu khác	128.926.421	-	318.580.635	-
Cộng	1.920.663.052	-	1.195.870.634	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	75.903.916.053	-	90.548.453.206	-
Công cụ, dụng cụ	250.910.227	-	331.731.250	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.152.034.298	-	1.837.986.852	-
Thành phẩm	27.343.493.000	-	36.135.851.411	-
Cộng	104.650.353.578	-	128.854.022.719	-

Tại ngày 31/12/2019, Công ty không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do giá trị ghi sổ của hàng tồn kho không vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	47.106.269.110	48.636.682.119
Chi phí sử dụng hạ tầng	45.506.075.490	46.634.325.294
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.600.193.620	2.002.356.825

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	18.481.070.432	18.670.070.319
Chi phí hoa hồng, khuyến mại, hỗ trợ nhà phân phối	12.501.280.885	12.971.473.137
Chi phí vận chuyển	4.645.668.454	4.616.320.535
Tiền ăn giữa ca	184.620.000	122.220.000
Chi phí khác	1.149.501.093	960.056.647
Dài hạn	-	-

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	13.183.950.939	6.426.442.110
Kinh phí công đoàn	325.599.439	272.806.886
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.969.730	4.336.080
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.853.381.770	6.149.299.144
Dài hạn	100.000.000	100.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

KHOẢN MỤC	01/01/2019		31/12/2019	
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	34.505.676.919	-	34.505.676.919	
- Nhà	31.727.073.211		31.727.073.211	
- Cơ sở hạ tầng	2.778.603.708		2.778.603.708	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	20.905.083.002	1.569.318.262	22.474.401.264	
- Nhà	18.893.892.283	1.432.170.792	20.326.063.075	
- Cơ sở hạ tầng	2.011.190.719	137.147.470	2.148.338.189	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	13.600.593.917	(1.569.318.262)	12.031.275.655	
- Nhà	12.833.180.928	(1.432.170.792)	11.401.010.136	
- Cơ sở hạ tầng	767.412.989	(137.147.470)	630.265.519	

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm toàn bộ tài sản là hệ thống nhà cửa vật kiến trúc, cơ sở hạ tầng của Công ty tại Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cho Công ty Lục Thành thuê theo hợp đồng số 296/HĐN-2017 ngày 13/11/2017.

15. TÀI SẢN CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

15. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	226.175.450.510	140.211.919.313	10.566.998.772	1.276.081.667	378.230.450.262					
Mua trong năm	-	359.456.000	-	87.213.000	446.669.000					
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	79.454.545	-	-	-	79.454.545					
Tại ngày 31/12/2019	226.254.905.055	140.571.375.313	10.566.998.772	1.363.294.667	378.756.573.807					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ										
Tại ngày 01/01/2019	19.762.075.819	70.631.410.918	5.248.045.870	800.950.463	96.442.483.070					
Khấu hao trong năm	10.162.196.269	8.766.835.243	928.759.651	101.135.080	19.958.926.243					
Tại ngày 31/12/2019	29.924.272.088	79.398.246.161	6.176.805.521	902.085.543	116.401.409.313					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Tại ngày 01/01/2019	206.413.374.691	69.580.508.395	5.318.952.902	475.131.204	281.787.967.192					
Tại ngày 31/12/2019	196.330.632.967	61.173.129.152	4.390.193.251	461.209.124	262.355.164.494					
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	4.888.209.553	40.762.382.602	1.640.483.171	697.924.176	47.988.999.502					

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẤT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẪN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Công ty cổ phần TICO	2.632.909.904	2.632.909.904	27.424.896.953	27.424.896.953
Công ty TNHH UIC Việt Nam	37.975.076.884	37.975.076.884	46.756.114.006	46.756.114.006
Công ty TNHH Nhựa cơ khí và TM Chấn Thuận Thành	15.986.117.173	15.986.117.173	9.383.050.463	9.383.050.463
Công ty TNHH Mitsui Việt Nam	7.563.737.500	7.563.737.500	3.888.264.600	3.888.264.600
Công ty TNHH Thương mại Quang Thắng	12.042.886.733	12.042.886.733	17.259.932.055	17.259.932.055
Công ty liên doanh hóa chất SOFT	10.270.077.633	10.270.077.633	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	83.940.629.755	83.940.629.755	77.173.948.200	77.173.948.200
Cộng	170.411.435.582	170.411.435.582	181.886.206.277	181.886.206.277

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.847.154.588	4.759.088.954	4.759.088.954	6.400.666.348	6.400.666.348	205.577.194	205.577.194	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(37.712.903)	3.162.155.737	3.162.155.737	3.124.442.834	3.124.442.834	-	-	
Thuế nhập khẩu	(183.750)	500.798.277	500.798.277	500.614.527	500.614.527	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.788.341.512	5.156.022.262	5.156.022.262	5.223.619.447	5.223.619.447	1.720.744.327	1.720.744.327	
Thuế thu nhập cá nhân	237.431.753	1.648.460.330	1.648.460.330	1.249.705.239	1.249.705.239	636.186.844	636.186.844	
Các loại thuế khác	665.077.543	1.763.474.188	1.763.474.188	2.428.551.731	2.428.551.731	-	-	
Cộng	4.500.108.743	16.989.999.748	16.989.999.748	18.927.600.126	18.927.600.126	2.562.508.365	2.562.508.365	

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

22

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẤT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	9.446.409.810	9.446.409.810	174.681.428.143	248.976.184.994	83.741.166.661	83.741.166.661
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Biên Hòa (1)	9.446.409.810	9.446.409.810	137.479.383.112	211.774.139.963	83.741.166.661	83.741.166.661
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh Biên Hòa	-	-	37.202.045.031	37.202.045.031	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	9.446.409.810	9.446.409.810	174.681.428.143	248.976.184.994	83.741.166.661	83.741.166.661

(1): Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 012.19/48.05-HMCV ngày 30/01/2019, hạn mức vay là 150 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là đến ngày 24/02/2020 nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Đồng tiền vay của mỗi khoản nợ là VND hoặc USD, thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày giải ngân được ghi trên Giấy nhận nợ, mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất được xác định tại từng thời điểm giải ngân và được ghi trên giấy nhận nợ. Hợp đồng vay không có tài sản đảm bảo. Số dư vay tại thời điểm 31/12/2019 là 406.647 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2018	223.983.740.000	15.706.553.642	41.587.601.210	281.277.894.852
Lãi trong năm	-	-	54.696.579.981	54.696.579.981
Phân phối lợi nhuận	-	-	(48.448.748.000)	(48.448.748.000)
Giảm khác	-	-	(40.451.528)	(40.451.528)
Tại ngày 01/01/2019	223.983.740.000	15.706.553.642	47.794.981.663	287.485.275.305
Lãi trong năm	-	-	81.123.373.696	81.123.373.696
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(59.319.260.200)	(59.319.260.200)
Tại ngày 31/12/2019	223.983.740.000	15.706.553.642	69.599.095.159	309.289.388.801

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2019 ngày 25/04/2019, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty như sau: chia cổ tức 44.796.748.000 đồng tương ứng với tỷ lệ 20% vốn điều lệ, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 4.530 tỷ đồng (đã tạm trích năm 2018 là 3,394 tỷ đồng), trích quỹ thưởng ban điều hành 180 triệu đồng.

Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 6.490.000.000 đồng và tạm chia cổ tức với số tiền là 17.918.699.200 đồng tương ứng 8% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty đã chi trả hết toàn bộ số cổ tức đã tạm chia trong năm.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị VND	Giá trị VND	
	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	80.644.980.000	114.234.980.000	51%
Vốn góp của các đối tượng khác	143.338.760.000	109.748.760.000	49%
Cộng	223.983.740.000	223.983.740.000	100%

Ngày 10/07/2019 Tập đoàn Hoá chất Việt Nam (Cổ đông nhà nước nắm giữ 51% cổ phần, tương ứng với 114.234.980.000 đồng) đã bán thành công 3.359.000 cổ phần, tương ứng với 33.590.000.000 đồng. Giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 36% cổ phần tương ứng với 80.644.980.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn góp đầu năm	223.983.740.000	223.983.740.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	223.983.740.000	223.983.740.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	51.516.260.200	44.796.748.000

Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.398.374	22.398.374
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.398.374	22.398.374
- Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	22.398.374
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.398.374	22.398.374
- Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	22.398.374
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại	-	-
- USD	1.347,61	1.450,15
- EUR	234,38	245,30
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	200.348.812	604.396.281

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu sản xuất tiêu thụ trong nước	798.089.115.989	723.276.713.174
Doanh thu sản xuất xuất khẩu	318.530.599.574	357.235.659.465
Doanh thu khác	40.691.185.542	36.822.816.695
Cộng	1.157.310.901.105	1.117.335.189.334

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, gia công	890.713.037.759	889.562.566.606
Giá vốn dịch vụ	32.865.005.033	29.313.697.333
Cộng	923.578.042.792	918.876.263.939

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	26.579.643.971	29.272.598.895
Chi phí nhân viên	9.256.081.774	9.443.378.231
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.886.042.979	1.254.869.493
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.840.913.405	3.851.258.000
Thuế phí lệ phí	3.215.572.024	5.975.936.644
Chi phí bằng tiền khác	8.381.033.789	8.747.156.527
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	124.649.566.982	113.735.360.555
Chi phí nhân viên	22.604.757.524	20.312.374.233
Chi phí vật liệu, bao bì	1.932.329.851	1.902.271.585
Chi phí khấu hao	5.788.905.259	5.807.120.952
Chi phí vận chuyển	31.007.074.164	33.840.066.248
Chi phí quảng cáo	-	1.586.258.182
Chi phí khuyến mại bằng tiền	18.928.952.786	7.524.866.822
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý, siêu thị	40.555.576.179	37.752.684.916
Chi phí bằng tiền khác	3.831.971.219	5.009.717.617

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.141.045.442	4.908.947.002
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.642.981.314	1.313.189.740
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	423.314.353
Cộng	5.784.026.756	6.645.451.095

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	1.665.080.319	2.829.779.660
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.028.008.212	3.426.039.704
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	17.585.732	-
Cộng	2.710.674.263	6.255.819.364

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	853.512.974.954	854.032.339.595
Chi phí nhân công	55.074.524.049	48.809.977.595
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.547.036.168	23.083.414.177
Chi phí bằng tiền khác	136.493.886.945	128.881.098.074
Cộng	1.066.628.422.116	1.054.806.829.441

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	532.612.588
Tiền phạt, bồi thường	983.571.337	1.023.744.056
Các khoản khác	333.608.725	1.997.083.437
Cộng	1.317.180.062	3.553.440.081

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản bị phạt	1.732.217	445.421.043
Các khoản khác	613.051.740	17.500.000
Cộng	614.783.957	462.921.043

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	86.279.395.958	58.931.116.714
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện đánh giá tiền, phải thu	(24.528.124)	15.277.167
- Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	4.222.130.762	2.979.168.591
Tổng Thu nhập chịu thuế	90.476.998.596	61.925.562.472
Thu nhập được miễn thuế	64.696.887.285	40.752.878.806
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất phổ thông	25.780.111.311	21.172.683.666
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.156.022.262	4.234.536.733

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	81.123.373.696	54.696.579.981
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(6.490.000.000)	(4.710.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	74.633.373.696	49.986.579.981
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	22.398.374	22.398.374
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.332	2.232

(*): Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận năm 2019, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2019 ngày 25/04/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**31. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan của Công ty như sau

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	Cổ đông chiếm 36% vốn điều lệ
Nhà máy hóa chất Biên Hòa- Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (Bên liên quan tính đến hết ngày 10/07/2019)	Đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam (Bên liên quan tính đến hết ngày 10/07/2019)	Đơn vị trong cùng Tập đoàn

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua hàng		
Nhà máy hóa chất Biên Hòa- Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (Bên liên quan tính đến hết ngày 10/07/2019)	18.954.968.200	42.169.785.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam (Bên liên quan tính đến hết ngày 10/07/2019)	5.008.875.000	8.966.250.910
Chi trả cổ tức		
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	23.586.845.400	22.846.996.000
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	1.692.161.000	1.677.954.000

32. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Ban kiểm soát	72.000.000	72.000.000

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh Công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

	Giá trị ghi số 31/12/2019 VND	Giá trị ghi số 01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.532.947.546	97.052.279.042
Phải thu của khách hàng	47.480.165.795	32.844.745.788
Phải thu về cho vay	-	333.000.000
Phải thu khác	1.920.663.052	726.561.466
Cộng	85.933.776.393	130.956.586.296
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	170.411.435.582	156.711.442.559
Chi phí phải trả	18.481.070.432	13.322.916.917
Phải trả khác	12.958.351.500	6.253.635.224
Vay và nợ thuê tài chính	9.446.409.810	111.361.800.825
Cộng	211.297.267.324	287.649.795.525
Trừ đi các khoản dự phòng	(716.390.400)	(716.390.400)

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi số của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại ngày 31/12/2019		
Phải trả người bán	170.411.435.582	-
Chi phí phải trả	18.481.070.432	-
Phải trả khác	12.858.351.500	100.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	9.446.409.810	-
Cộng	211.197.267.324	100.000.000
Tại ngày 01/01/2019		
Phải trả người bán	156.711.442.559	-
Chi phí phải trả	13.322.916.917	-
Phải trả khác	6.153.635.224	100.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	111.361.800.825	-
Cộng	287.549.795.525	100.000.000

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Báo cáo kết quả chào mua công khai ngày 19/02/2020 của Công ty TNHH Masan HPC, Masan HPC đã hoàn tất việc mua vào 11.703.630 cổ phiếu tương ứng với 52,25% cổ phần của Công ty Cổ phần Bột giặt NET và trở thành cổ đông lớn - công ty mẹ của Công ty. Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B09 - DN****35. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được đưa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác Việt Nam ("Nước ngoài"). Tài sản bộ phận và chỉ tiêu vốn không được trình bày do vị trí của tài sản và việc sản xuất là ở Việt Nam. Các thông tin bộ phận về khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước (Khách hàng tại Việt Nam)		Nước ngoài (Khách hàng ở các nước khác Việt Nam)		Tổng	
	VND		VND		VND	
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu						
Doanh thu thuần	838.780.301.531	760.099.529.869	318.530.599.574	357.235.659.465	1.157.310.901.105	1.117.335.189.334
Giá vốn hàng bán	681.824.480.531	642.942.641.962	241.753.562.261	275.933.621.977	923.578.042.792	918.876.263.939
Lợi nhuận theo bộ phận	156.955.821.000	117.156.887.907	76.777.037.313	81.302.037.488	233.732.858.313	198.458.925.395

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính năm 2018 đã được điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 870/TB-KTNN ngày 01/11/2019 của Kiểm toán nhà nước. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2018	01/01/2019	Ảnh hưởng
		VND	VND	
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	343.987.190.955	344.127.743.228	140.552.273
Tài sản dài hạn khác	260	48.496.129.846	48.636.682.119	140.552.273
Chi phí trả trước dài hạn	261	48.496.129.846	48.636.682.119	140.552.273
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	608.819.017.949	608.959.570.222	140.552.273
NỢ PHẢI TRẢ	300	319.410.588.520	321.474.294.917	2.063.706.397
Nợ ngắn hạn	310	319.310.588.520	321.374.294.917	2.063.706.397
Phải trả người bán ngắn hạn	311	181.974.806.277	181.886.206.277	(88.600.000)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.385.698.999	4.538.005.396	2.152.306.397
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	289.408.429.429	287.485.275.305	(1.923.154.124)
Vốn chủ sở hữu	410	289.408.429.429	287.485.275.305	(1.923.154.124)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	49.718.135.787	47.794.981.663	(1.923.154.124)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	42.023.547.105	40.100.392.981	(1.923.154.124)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	608.819.017.949	608.959.570.222	140.552.273
Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Năm 2018	Năm 2018	Ảnh hưởng
		VND	VND	
Giá vốn hàng bán	11	919.075.138.939	918.876.263.939	(198.875.000)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	198.260.050.395	198.458.925.395	198.875.000
Chi phí bán hàng	25	112.098.266.292	113.735.360.555	1.637.094.263
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.279.176.168	29.272.598.895	(6.577.273)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	57.272.239.666	55.840.597.676	(1.431.641.990)
Thu nhập khác	31	3.684.260.081	3.553.440.081	(130.820.000)
Chi phí khác	32	593.741.043	462.921.043	(130.820.000)
Lợi nhuận khác	40	3.090.519.038	3.090.519.038	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	60.362.758.704	58.931.116.714	(1.431.641.990)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.743.024.599	4.234.536.733	491.512.134
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	56.619.734.105	54.696.579.981	(1.923.154.124)

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mã số	Năm 2018	Năm 2018	Ảnh hưởng
		VND	VND	
Lợi nhuận trước thuế	01	60.362.758.704	58.931.116.714	(1.431.641.990)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	24.394.464.685	25.966.658.948	1.572.194.263
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.465.769.572	1.325.217.299	(140.552.273)

Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Người lập

Trần Thị Ái Liên

Kế toán trưởng

Trần Thị Ái Liên

Tổng Giám đốc



Thái Thị Hồng Yến



ISO 9001:2008

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2020
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Tổng Giám đốc



THÁI THỊ HỒNG YẾN